SRC®

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

Địa chỉ: 231 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội - Việt Nam
Address: 231 Nguyen Trai Street - Thuong Dinh Ward - Thanh Xuan District - Ha Noi City - Viet Nam
Tel: (+84).2438.553.556 - (+84).2438.556.106 - Fax: (+84).2435.553.644
Email: caosusaovang@src.com.vn
Web: www.src.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

SRC®

Thách thức mọi con đường

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Các sự kiện chính

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Tổ chức nhân sự

Cơ cấu cổ đông

Các đơn vị thành viên

02 ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu

Chiến lược phát triển

03 RỦI RO

Rủi ro dịch bệnh

Rủi ro kinh tế

Rủi ro pháp luật

Rủi ro biến động giá, nguyên vật liệu đầu vào

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tài chính

Rủi ro khác

04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các tài chính chủ yếu

04 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2020

Phương hướng HĐ sản xuất kinh doanh năm 2021

05 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình chung

Hoạt động HĐQT năm 2020

Phương hướng hoạt động HĐQT năm 2021

06 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Kết qủa hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2020

Nhận xét và kiến nghị

Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính 2020
(đã kiểm toán)

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác và toàn thể anh chị em cán bộ công nhân viên SRC thân mến!

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2020 chứng khiến thế giới chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nền kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng, sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính đưa kinh tế thế giới vào vòng suy giảm. Tuy nhiên, với những nỗ lực trong việc ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh từ đầu và kiểm soát tốt dịch trong nước, nền kinh tế Việt Nam đã có cơ hội phục hồi sớm hơn so với các nước trong khu vực và cả thế giới. Kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể.

Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định; bảo đảm vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung cho lĩnh vực sản xuất, nhất là các ngành ưu tiên. GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực, cố gắng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội". Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ và cao su thiên nhiên có sự phục hồi nhưng chưa trở lại mức tăng trưởng so với đầu năm. Giá dầu giảm khiến giá cao su cao su tổng hợp, than đen, hoá chất và vải mảnh giảm. Công ty đã tận dụng điều kiện này, kết quả kinh doanh trong năm 2020 cho thấy khả quan.

Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam nhận được dự báo tích cực từ nhiều chuyên gia. Dự báo về tốc độ tăng trưởng trong năm 2021, HSBC cho rằng Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi do công nghệ dẫn đầu, dòng vốn FDI bền bỉ và nhiều hiệp định thương mại được ký kết. HSBC vẫn tin tưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 7,6% trong năm 2021, chủ yếu do sự phục hồi của ngành du lịch vẫn bị kéo dài. Tuy nhiên, công ty luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủy hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHẠM HOÀNH SƠN

ĐIỂM NHẤN 2020

Tổng doanh thu đạt : **1.384** tỷ đồng

Tăng trưởng: **44,01%**

Lợi nhuận sau thuế: **73.5** tỷ đồng

Tăng trưởng: **77,54%**

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Top 50 sản phẩm Vàng

Sản phẩm lốp ô tô, xe máy năm 2013

Top 10 sản phẩm Vàng

Sản phẩm lốp máy bay

Sản phẩm Vàng - Dịch vụ Vàng

01 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

SỰ KIỆN CHÍNH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Mã chứng khoán	SRC
Tên Công ty	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
Tên viết tắt	SRC
Tên tiếng Anh	Sao Vang Rubber Joint Stock Company
Trụ sở chính	Số 231, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ	280,657,650,000 đồng
Điện thoại	0243 858 3656
Fax	0243 858 3644
Email	caosusaovang@src.com.vn
Website	http://www.src.com.vn
Ngành nghề	Sản xuất công nghiệp
Mã số thuế	0100100625
Đăng ký kinh doanh	0100100625 cấp lần đầu 03/04/2006 Thay đổi lần thứ 10 ngày 28/04/2020 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
Mệnh giá	10,000 đồng
Khối lượng đang NY	28,065,765
Ngày niêm yết đầu tiên	07/10/2009
Tổng giá trị NY	280,657,650,000
Slogan	Thách thức mọi con đường

TẦM NHÌN

Khẳng định vị trí là nhà sản xuất săm lốp hàng đầu Việt Nam

Không ngừng phát triển để trở thành thương hiệu nổi tiếng thế giới

SỨ MỆNH

Sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất - an toàn

Tiên phong trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành sản xuất săm lốp Việt Nam

Luôn tôn trọng lợi ích hính đáng của người tiêu dùng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đoàn kết

Tôn trọng khách hàng và giá trị xã hội

Sáng tạo, thích nghi

2. CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

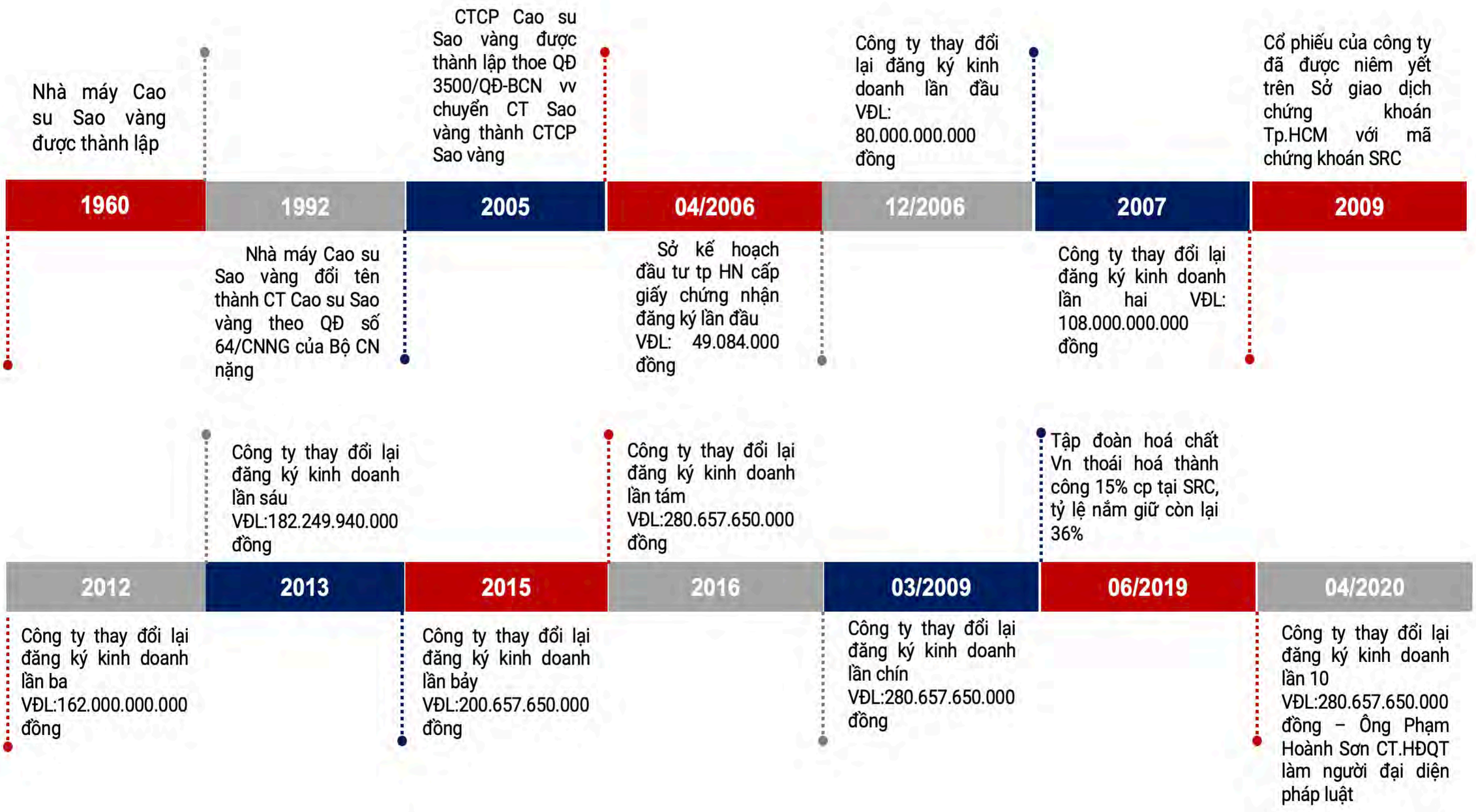

Sản phẩm chính

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su

Chế tạo, mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su

Lốp các loại (xe máy, ô tô,máy bay,....)

Cao su kỹ thuật

Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc, hoá chất phục vụ ngành sản xuất công nghiệp Cao su

Cho thuê cửa hàng , văn phòng, nhà xưởng, kho bãi

Săm các loại (săm ô tô, săm xe máy, săm xe đạp)

Băng tải

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường trong nước trải dài ở cả 3 miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Ngoài ra, sản phẩm của Công ty còn được các doanh nghiệp nước ngoài nhập khẩu. Năm 2020, doanh thu xuất khẩu đạt 7,19 triệu USD, giảm 6% so với kế hoạch và 4,9% so với năm 2019.

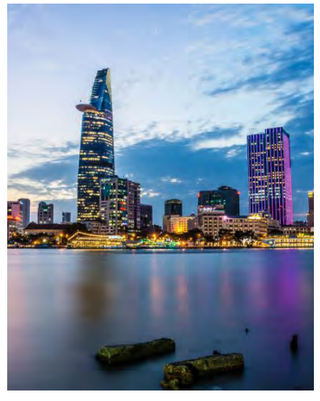

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

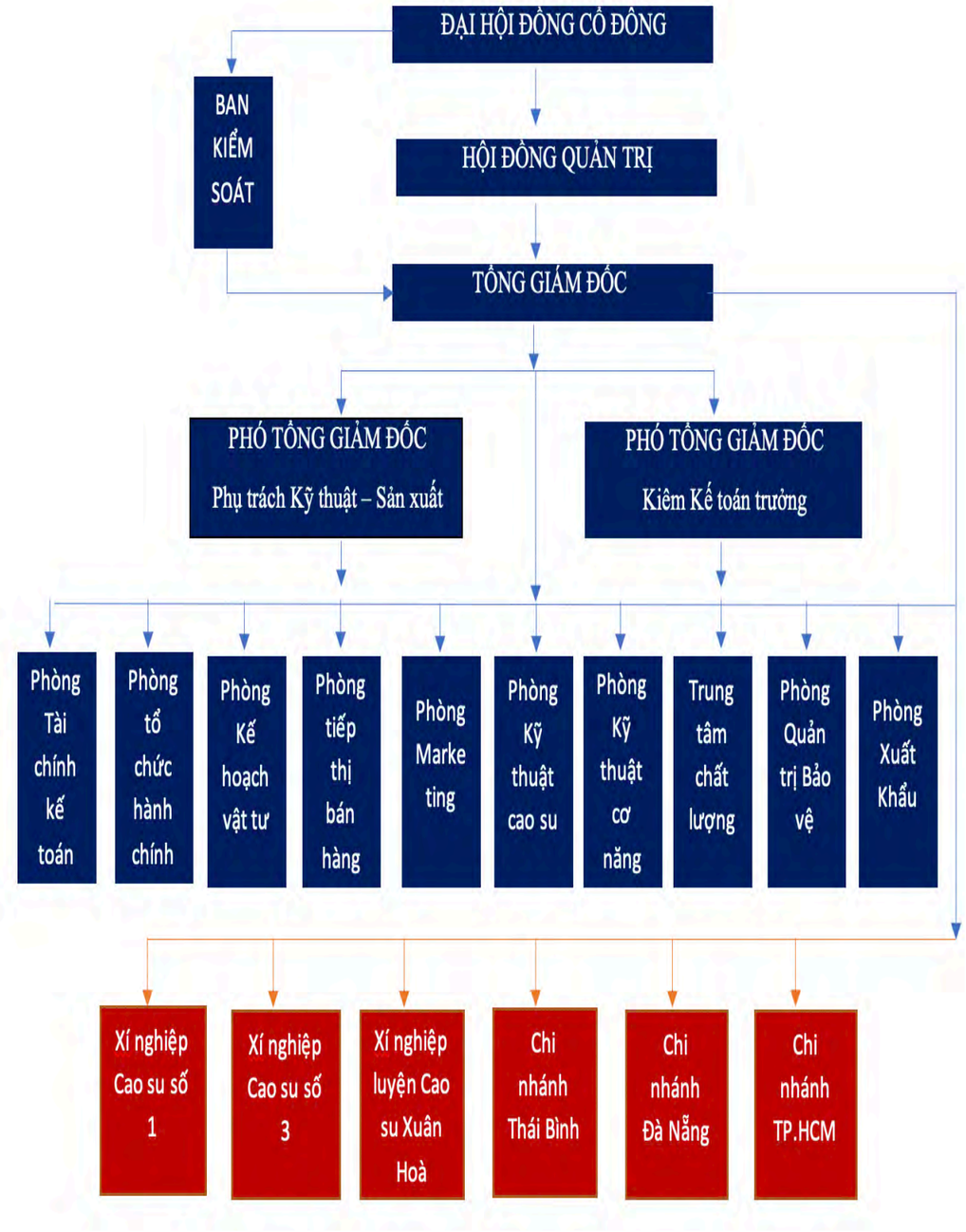

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

Ông Phạm Hoành Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Quản lý kinh tế
Số CP đại diện: 6.886.150
Cá nhân sở hữu: 0

Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng:
Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần dầu khí đầu tư khai thác cảng Phước An.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng.
- Chủ tịch HĐTV, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn.
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sao Vàng – Hoành Sơn.

02

Ông Nguyễn Việt Hùng

Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư điện, Kỹ sư Tin học
Số cổ phần đại diện :5.894.140
Cá nhân sở hữu: 12 CP

Quá trình công tác:
1997 - 1999: Kỹ sư – XNNL CT Cao su Sao vàng
1999 - 2000 : Kỹ sư P.KTCN CT Cao su Sao vàng
2000 - 2002 : Thư ký Giám đốc Công ty
2002 - 2003: Phó P.KTCN Công ty Cao su Sao vàng
2003- 9/2006 : Phó Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao vàng
10/2006 - 2/2007 :Phó GĐ, GĐ XN Năng lượng Công ty CP Cao su Sao vàng
3/2007 - 9/2010 :Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao vàng
10/2010 - 10/2012 :Giám đốc XNCS 1 Công ty CP Cao su Sao vàng
10/2012 - 4/2018 :Phó TGĐ Công ty CP Cao su Sao vàng
5/2018 -2/2019: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Cao su Sao vàng
3/2019 - nay: Thành viên HĐQT, TGĐ Công ty CP Cao su Sao vàng

03

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ
kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn
Cử nhân tài chính kế toán
Số cổ phần đại diện 4.209.975
Cá nhân sở hữu: 7 CP

Quá trình công tác:
5/1995 - 5/2002 :Kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
6/2002 - 3/2016: Phó phòng TCKT Công ty CP Cao su Sao Vàng
4/2016 - 11/2016 : Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán.
12/2016 - 4/2018: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng TCKT.
5/2018 - 15/12/2019: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.
16/12/2019 - 14/01/2020: Kế toán trưởng Công ty.
15/01/2020 - 08/6/2020: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
08/6/2020 - đến nay: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ, Kế toán trưởng Công ty.
Được bổ nhiệm làm tv phó tổng giám đốc ngày 15/1/2020
Đc bầu vào hđqt vào ngày 8/6/2020

04

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn
Cử nhân kinh tế
Số cổ phần đại diện : 0
Số cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:
1991- 2000: Công ty Thủy Nông Bắc Đuống
2001 – 2010: Công ty Dầu khí Thái Bình
2010 – 2015: Kinh doanh tự do
2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đông Thịnh Phát
2016 – nay: Giám đốc Công ty Hưng Thịnh Phát

05

Ông Nguyễn Văn Thành

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Luật
Số cổ phần đại diện: 0
Số cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:
2011 – 2013: Trưởng phòng TCHC – Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh
2013 – 2015: Trợ lý Giám đốc kiêm TP TCHC – Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vũng Áng
2015 – nay: PGĐ ban Đầu tư – Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn kiêm Trưởng ban QLDA

BAN KIỂM SOÁT

01

Ông Trần Minh Tuấn
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Cử nhân kinh tế
Số cổ phần đại diện : 0
Cá nhân sở hữu: 1.411

Quá trình công tác:
11/2000 - 10/2001 Kế toán Xí nghiệp luyện Xuân hòa - CT Cao su Sao vàng
11/2001 - 3/2002 Kế toán Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cao su Sao vàng
4/2002 - 8/2003 Kế toán - Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cao su Sao vàng
9/2003 - 10/2005 Kế toán Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cao su Sao vàng
11/2005 - 12/2014 Kế toán - Phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Cao su Sao vàng
01/2015 - 02/2015 Chuyên viên Văn phòng - Công ty CP Cao su Sao Vàng
09/2015 - 04/2016 Phó Chánh phụ trách Văn phòng - Công ty CP Cao su Sao Vàng
05/2016 - đến nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Cao su Sao Vàng

02

Bà Vũ Thị Mai Nhung
Thành Viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Cử nhân kinh tế
Số cổ phần đại diện: 0
Cá nhân sở hữu: 0

Quá trình công tác:
1988 – 1999: Nhân viên kế toán, Công ty Xây dựng số 25 – Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng
2000 – 2007: Biên tập viên, Kế toán – NXB Thống kê
2008 – 2011: Chuyên viên phòng Tiếp thị bán hàng – CTCP Cao su Sao Vàng
2011 – 2015: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, thành viên Ban Kiểm soát- Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
2015 – nay: Chuyên viên Ban kế hoạch kinh doanh – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Pin Ắc Quy miền Nam

03

Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Cử nhân kế toán
Số cổ phần đại diện: 0
Cá nhân sở hữu: 0

Quá trình công tác:
2008 – 02/2009: Kế toán – Công ty TNHH Kinh doanh và kim khí Huy Hùng
03/2009 – 09/2009: Kế toán trưởng Công ty CP Kiến trúc TĐT
10/2009 – 12/2016: Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu Tư Vạn Hưng Phát
01/2017 – nay: Kế toán trưởng – Công ty Imperial Land

BAN GIÁM ĐỐC

01

Ông Nguyễn Quang Hào
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn
Kỹ sư hoá Polime ĐH Bách Khoa HN
Số cổ phần đại diện : 0
Cá nhân sở hữu: 8 CP

Quá trình công tác:
07/1997 - 5/2001: Giám đốc PT sản xuất - Công ty cao su Inoue Việt Nam
05/2001 - 1/2003: P. Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
01/2003 - 3/2006: Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
04/2006 - 1/2007: Giám đốc - XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
02/2007 - 4/2011: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng
05/2011 – 4/2016: TV. HĐQT, P. TGĐ- Công ty CP Cao su Sao Vàng
05/2016 – đến nay: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng

ĐỊNH HƯỚNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc thù ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng nhân viên.

Chính sách thưởng

Khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có ban hành quy chế khen thưởng các danh hiệu thi đua hàng năm. Theo đó, các chỉ tiêu khen thưởng được công bố công khai, rõ ràng, minh bạch tới từng cán bộ, công nhân viên.

Chế độ làm việc

Chế độ làm việc tại SRC được áp dụng theo đúng Bộ luật Lao động mỗi ngày làm 8 giờ và 48 giờ/ tuần. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất thực hiện chia 3 ca làm việc, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Chính sách tuyển dụng

Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chú trọng công tác đề bạt, bổ nhiệm, bố trí sử dụng cán bộ, công nhân hợp lý, duy trình thường xuyên chế độ nhận xét, đánh giá cán bộ trên nguyên tắc có sự luân chuyển và bảo đảm khách quan, công bằng dựa trên năng lực đạo đức cán bộ. Đào tạo mới, đào tạo lại theo hướng đào tạo tại chỗ hoặc liên kết đào tạo lực lượng công nhân kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi và có chính sách phù hợp khuyến khích người lao động tự học tập nâng cao trình độ, năng lực.

Bảo hiểm & phúc lợi

Công ty thực hiện trích nộp đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và chế độ bảo hộ lao động cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty luôn quan tâm, giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ phép, … kịp thời, theo đúng quy định của nhà nước.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Trong năm 2020, lao động toàn Công ty vẫn ổn định ở mức 848 người (31/12/2020) và không có quá nhiều sự chênh lệch so với 845 người (31/12/2019). Tổng tăng 3 người, trong đó tăng mới 114 người và thực giảm 111 người

STT	Tiêu chí	Năm 2018 (31/12/2018)	Năm 2019 (31/12/2019)	Năm 2020 (31/12/2020)
1	Số lượng nhân sự	939	845	848

Trong năm 2020 tình hình lao động của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Tình trạng này xảy ra ở các đơn vị của Công ty ở cả Hà Nội và Chi nhánh Thái Bình dẫn đến việc thiếu lao động trong dây chuyền sản xuất, ảnh hưởng đến việc tổ chức sản xuất và sản lượng sản phẩm.

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ
1	Theo giới tính:	
	- Nam	589
	- Nữ	259
2	Theo trình độ:	
	- Đại học	164
	- Cao đẳng	198
	- Phổ thông	486

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 14/05/2020

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	12.467.955	44,42%	2	1	1
	- Trong nước	12.467.955	44,42%	2	1	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	2.397	0,01%	1	1	0
	Công đoàn công ty	23.774	0,08%	2	2	0
4	Cổ đông khác	15.540.854	55,37%	2.305	14	2.291
	- Trong nước	15.538.709	55,37%	2.293	14	2.279
	- Nước ngoài	2.145	0,01%	12	0	12
TỔNG CỘNG		28.065.765	100%	2.352	60	2.292

TÌNH HÌNH VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng	Vốn điều lệ
Tháng 4/2006 (thành lập)			49.048.000.000
Tháng 10/2006	30.952.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 63%	80.000.000.000
Tháng 2/2007	8.000.000.000	- Chia 5,48 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu (theo mức 12,3% cho 9 tháng hoạt động năm 2006) từ nguồn LNST 2006 - Thưởng 2,52 tỷ đồng bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 32:1 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thuế TNDN được miễn năm 2006	88.000.000.000
Tháng 6/2007	20.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 22,72%	108.000.000.000
Năm 2010	54.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu	162.000.000.000
Năm 2013	20.249.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	182.249.940.000
Năm 2015	18.224.210.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	200.474.150.000
Năm 2016	80.183.500.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	280.657.650.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : **28.063.368**

Số lượng cổ phiếu quỹ : **2.397**

Các loại chứng khoán khác: **không có**

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Công ty công ty con: không có

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Loại hình	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Philips Carbon Black	Công ty liên kết	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Huyện Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất than cốc	120.629.462.257	8.444.062.358	7%
2	Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn	Công ty liên doanh, liên kết	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.	Đầu tư, kinh doanh bất đông sản	500.000.000.000	130.000.000.000	26%
3	Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoành Sơn	Công ty liên doanh, liên kết	Khối hành chính dịch vụ, kCN cảng biển Vũng Áng, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cao su	500.000.000.000	250.000.000.000	50%

STT	Tên đơn vị thành viên	Sản phẩm	Địa chỉ
1	Xí nghiệp cao su số 1	Săm lốp xe máy. Săm xe đạp. Săm, yếm ô tô. Màng lưu hoá lốp. Săm máy bay các loại. Gia công bán thành phẩm cho đơn vị bạn và khách hàng khi được Công ty giao.	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.
2	Xí nghiệp cao su số 3	Lốp ô tô các loại. Lốp máy bay các loại. Gia công bán thành phẩm cho đơn vị bạn và khách hàng khi được Công ty giao. Các sản phẩm cao su kỹ thuật.	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.
4	Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa	Cao su bán thành phẩm	Đường Nguyễn Văn Linh, P. Xuân Hòa, Tp. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc
5	Chi nhánh Thái Bình	Săm, lốp xe đạp các loại, săm xe máy và lốp xe thồ	Số 5 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
6	Chi nhánh Đà Nẵng	Tiếp thị, trung chuyển sản phẩm, chăm sóc khách hàng khu vực miền Trung, Tây Nguyên	Quốc lộ 1A, Xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
7	Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	Tiếp thị, chăm sóc khách tại TP Hồ Chí Minh và khu vực miền Nam	Số 63 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quận 1,thành phố Hồ Chí Minh

02 ĐỊNH HƯỚNG & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Muc tiêu chủ yếu

Duy trì vị thế là thương hiệu sản xuất lốp xe và sản phẩm Cao su kỹ thuật hàng đầu về chất lượng ở Việt Nam

Giữ vững thị trường sản phẩm truyền thống. Tập trung phát triển các dòng sản phẩn mới, chiến lược như: Lốp ô tô cỡ lớn, lốp nông/lâm nghiệp, Băng tải cường lực cao, Săm ô tô Butyl, lốp ôtô Radian, lốp xe máy không săm, lốp xe đạp điện, săm xe máy Butyl...

Mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác xuất khẩu uy tín. Tận dụng lợi thế các chính sách thương mại thế giới đối với công nghiệp sản xuất săm lốp.

Đổi mới thiết bị và công nghệ, đồng thời nghiên cứu hợp tác với các đối tác nước ngoài để sản xuất các sản phẩm mới đạt chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước và xuất khẩu trong 10 năm tới.

Chiến lược phát triển

Chiến lược trung và dài hạn

Công ty đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Di dời và sản xuất lốp Radial đến địa điểm mới.

Chiến lược đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Tuân thủ quy trình, quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các xí nghiệp, nơi sản xuất và vùng lân cận.

Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy, xí nghiệp. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.

Công ty đang áp dụng hệ thống Quản lý môi trường theo ISO 14001

Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.

03 RỦI RO

RỦI RO DỊCH BỆNH

RỦI RO KINH TẾ

RỦI RO PHÁP LUẬT

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

RỦI RO TÀI CHÍNH

RỦI RO KHÁC

CÁC RỦI RO

1. RỦI RO DỊCH BỆNH

Năm 2020 chứng kiến sự lan rộng của virus Covid – 19 trên phạm vi toàn cầu, đã mang lại những thách thức chưa từng thấy, cũng như có những tác động đáng kể đến sự phát triển chung của Việt Nam. Dù được dự báo là một trong số ít những nước vẫn giữ được tăng trưởng dương trong năm 2020, tuy nhiên với diễn biến dịch còn phức tạp ở nhiều nơi trên thế giới, kinh tế - xã hội của Việt Nam vẫn sẽ gặp phải nhiều khó khăn trong năm 2021.

Chính phủ đã chuẩn bị nhiều gói kích thích kinh tế từ trước khi dịch lan rộng, bám sát thị trường, ban hành nhiều gói hỗ trợ dưới các dạng khác nhau. Các gói hỗ trợ phù hợp với bản chất và diễn biến của dịch Covid – 19, tuy nhiên, đối với gói hỗ trợ giảm, giãn thuế, việc hỗ trợ còn mang tính cầm chừng, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, thời gian thụ hưởng quá ngắn. Ngoài ra, dịch bệnh cũng ảnh hưởng tới hoạt động thương mại toàn cầu, từ đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu của công ty. Do vậy, công ty cần chủ động trong việc phòng chống dịch, vừa để đảm bảo an toàn sức khỏe cho công nhân cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất của công ty.

Việt Nam là một trong số ít các nước đã cơ bản kiểm soát được sự lây lan của dịch bệnh. Việt Nam vẫn được Ngân hàng thế giới (WB) dự báo sẽ tăng trưởng gần 3%, trong khi kinh tế thế giới dự kiến suy giảm ít nhất 4%. Kết quả này là nhờ khả năng chống chịu của cả khu vực kinh tế trong nước và kinh tế đối ngoại. Dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đổ vào Việt Nam kết hợp với xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh đã bù đắp cho thất thu về ngoại tệ do hoạt động du lịch suy giảm và kiều hối bị thu hẹp. Triển vọng kinh tế của Việt Nam trong trung hạn và dài hạn rất tích cực. Việc Việt Nam tham gia một số lượng lớn các hiệp định thương mại song phương và đa phương sẽ giúp nền kinh tế của đất nước phục hồi. Trong thời gian tới, triển vọng của Việt Nam được cho là tích cực khi nền kinh tế được dự báo tăng trưởng khoảng 6,8% trong năm 2021 và ổn định ở mức 6,5% ở các năm tiếp theo.

Tuy vậy vẫn cần chú ý tới rủi ro trong lĩnh vực tài chính trước những bất ổn cả trong và ngoài nước. Công ty vẫn cần phải lưu ý tới tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động của kinh tế trong nước và cả yếu tố tâm lý thị trường. Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và đề ra những giải pháp phòng ngừa rủi ro sẽ giúp doanh nghiệp phát triển một cách bền vững.

2. RỦI RO KINH TẾ

Thế giới đã và đang phải đối mặt với một trong những cú sốc lớn nhất toàn cầu (đại dịch Covid – 19) trong nhiều năm trở lại đây. Với diễn biến dịch phức tạp ở nhiều quốc gia lớn đã ảnh hưởng tới tình hình thị trường tài chính toàn cầu. Hiện nay, các cơ quan quản lý trên thế giới đang thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ quy mô lớn (tài khóa, tiền tệ) để hạn chế thiệt hại kinh tế do đại dịch gây ra. Các xu hướng khủng hoảng vẫn có thể tiếp tục tăng lên nếu kịch bản vượt qua đỉnh dịch bị trì hoãn hoặc nhiều công ty vỡ nợ hàng loạt.

3. RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong năm 2021 có nhiều sự thay đổi lớn bao gồm sự sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư. Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 và Luật chứng khoán 54/2019/QH14 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Luật Doanh nghiệp mới đã nâng cao khung khổ pháp lý về quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động của các Doanh nghiệp. Ngoài ra còn một số thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện những Luật này. Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

4. RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiên trong lương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí cua Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. Nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối cao trong Công ty, hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá.

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành, SRC đã và đang nỗ lực trong công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá biến động cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động.

5. RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban TGĐ công ty đã theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

6. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ, NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải mành, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 – 75% giá thành sản phẩm Vì vậy, khi có sự biến động giá nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của doanh nghiệp. Chính sách tăng giá cân đối đầu ra – đầu vào có thể làm giảm sản lượng tiêu thụ các loại nếu như SRC không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và có chiến lược giá bán hợp lý trong từng giai đoạn phù hợp với dự báo biến động giá.

Do tác động kép của đại dịch Covid – 19 và giá dầu xuống thấp, giá cao su thấp cũng là một yếu tố có lợi cho ngành cao su chế biến săm lốp. Bên cạnh đó, nguồn cung ứng sản phẩ săm lốp xe các loại của các nước nhập khẩu, đặc biệt là thị trường Mỹ có thể bị giới hạn do tác động từ chính sách thương mại và dịch bệnh đối với sản phẩm từ Trung Quốc, có thể xem là một cơ hội của các doanh nghiệp Việt Nam.
Để đối phó với rủi ro và cơ hội này, Công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý.

7. RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn,... hay những rủi ro đến từ những yếu tố mang tính vĩ mô của nền kinh tế là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty đều là những rủi ro khó lường. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để nắm bắt được những thay đổi trong nền kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Cty.

04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	806.805.955.535	1.405.343.219.114	74,19%
Doanh thu thuần	926.634.883.221	1.349.273.288.744	45,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	51.572.061.070	90.879.410.649	76,22%
Lợi nhuận khác	138.492.838	5.590.515.527	3936,68%
Lợi nhuận trước thuế	51.710.553.908	96.469.926.176	86,56%
Lợi nhuận sau thuế	41.368.443.126	73.515.838.382	77,71%

Năm 2020, tổng tài sản của công ty tăng lên 1.405.343.219.114 đồng, tăng 74,19% so với năm 2019. Mức tăng này chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng. Các chỉ tiêu lợi nhuận đều tăng so với năm 2019. Doanh thu thuần năm 2020 đạt 1.349.273.288.744 đồng, tăng 423.056.022.707 so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế tăng 77,71%, đạt 73.515.838.382 đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% Tăng trưởng
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	420.596.305.195	52,13%	1.049.753.919.446	74,70%	149,59%
Tài sản dài hạn	386.209.650.340	47,87%	355.589.299.668	25,30%	-7,93%
Tổng tài sản	806.805.955.535	100,00%	1.405.343.219.114	100,00%	74,19%

Cơ cấu tài sản trong năm 2020 có sự thay đổi mạnh. Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2020 là 1.405.343.219.144 đồng. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên 74,7% trong khi đó tài sản dài hạn giảm xuống còn 25,3%. Tài sản ngắn hạn tăng lên chủ yếu do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng. Tài sản dài hạn không có sự thay đổi đáng kể.

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% 2020/2019
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	141.564.430.484	33,27%	694.148.555.516	71,04%	490,34%
Nợ dài hạn	283.903.102.740	66,73%	282.993.066.643	28,96%	99,68%
Tổng nợ phải trả	425.467.533.224	100,00%	977.141.622.159	100,00%	229,66%

Công ty có sự thay đổi trong cơ cấu nợ của mình. Nợ dài hạn giảm từ 66,73% tỷ trọng nợ, xuống còn 28,96% tại thời điểm 31/12/2020. Dù vậy, nợ dài hạn không có sự thay đổi đáng kể. Nợ ngắn hạn tăng mạnh là do các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,98	2,97	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	0,72	1,49	1,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	59,73%	52,73%	69,53%
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	148,26%	111,57%	228,20%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	2,85	3,13	5,65
Vòng quay tổng tài Sản:	1,09	1,12	1,22
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,32%	4,47%	5,45%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	3,70%	10,46%	18,16%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,43%	5,00%	6,65%
Hệ số Lợi nhuận từ KĐKD/DTT	1,44%	5,57%	7,61%

HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2020 giảm gần 50% so với năm 2020 và hơn 23% so với năm 2019 nhưng vẫn duy trì ở mức 1,51, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,49 xuống 1,24 với tốc độ khoảng 17% so với năm 2019 tuy nhiên vẫn duy trì mức lớn hơn 1. Nguyên nhân chính đến từ việc các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty tăng từ 141,56 lên 694,15 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc tăng phải trả người bán ngắn hạn và phải trả thư tín dụng nhập khẩu liên quan đến các hợp đồng mua thép, pin năng lượng mặt trời. Nhìn chung, việc kiểm soát hoạt động thanh toán nợ ngắn hạn của công ty tương đối ổn định.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu vốn của Công ty đang có xu hướng tăng tỷ trọng của các khoản nợ ngắn hạn. Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng trong năm 2020, đặc biệt hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng hơn 2 lần so với năm 2019 do Công ty tăng khoản nợ với người bán và các ngân hàng. Hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2020 là 69,53%, tăng gần 32% so với năm 2019. Tuy mức độ sử dụng nợ của Công ty vẫn đang ở mức tương đối an toàn, Công ty vẫn nên lưu ý đến việc gia tăng nhanh và duy trì đòn bẩy ở mức cao có thể dẫn đến việc khó huy động được tiền vay trong tương lai để tiến hành sản xuất, kinh doanh

HỆ SỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 đạt 5,65 vòng, tăng 1,8 lần so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán của Công ty tăng mạnh, tăng gần 50% so với năm 2019 trong khi trung bình hàng tồn kho không như vậy. Điều này cho thấy năng lực quản trị hàng tồn kho của Công ty tương đối tốt, khả năng bán hàng nhanh. Doanh thu thuần/Tổng tài sản trong năm 2020 đạt 1,22, tăng gần 9% so với năm 2019 do doanh thu thuần tăng với tốc độ nhanh hơn tổng tài sản, cho thấy hiệu quả tạo ra doanh thu từ tài sản của công ty tương đối ổn định

HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Hai chỉ tiêu quan trọng là ROA và ROE đều có xu hướng tăng trong năm 2020. ROE là 18,16%, tăng hơn 58% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tăng biên lợi nhuận ròng và vòng quay tổng tài sản, trong khi đó hệ số vốn chủ sở hữu giảm. Có thể thấy hiệu quả của hoạt động sản xuất của Công ty có sự tăng trưởng dựa vào việc sử dụng đòn bẩy. ROA đạt 6,65%, tăng 33% so với năm 2019.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

SRC là đơn vị hoạt động với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất săm lốp, với đặc thù như vậy Công ty có sử dụng các nguồn nguyên liệu như cao su các loại, than đen và một số hóa chất khác phục vụ sản xuất. Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường gắn liền với hoạt động sản xuất và đã có những chính sách để bảo vệ môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

SRC sử dụng những nguyên vật liệu chính để sản xuất săm lốp bao gồm: cao su các loại, Vải mành, Dây thép tanh và các hóa chất cần thiết.

Nguyên vật liệu	Tổng khối lượng	Tỷ trọng
Cao su	5.732.215.72	24,68%
Hóa chất	5.631.232.34	24,24%
Vải mành	750.972.06	3,23%
Dây thép tanh	609.601.16	2,62%
Khác	10.502.733.04	45,22%

Công ty đã có thực hiện chính sách tái chế một số nguyên liệu đầu vừa bảo vệ môi trường và tiết kiệm chi phí đầu vào.

STT	Loại Nguyên vật liệu	Tổng khối lượng sử dụng	Khối lượng sử dụng được tái chế	Tỷ lệ Khối lượng được tái chế/ Tổng khối lượng sử dụng(%)
1	Cao su thiên nhiên, tổng hợp, tái sinh, tấn	6.122	63,2	1,03
2	Hóa chất, tấn	6.384,8	74,4	1,17
3	Vải mành, tấn	674,59	10,67	1,58
4	Dây thép tanh, tấn	580,47	0	0,00
5	Van, chiếc	10.421.312	0	0,00
6	Cao su bán thành phẩm butyl, tấn	186,56	6,716	3,60

Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2020, Công ty đã sử dụng 17.589.681 KwH điện năng để sản xuất.

Tiêu thụ nước

Trong năm 2020, Công ty đã sử dụng 203.259 m3 nước để phục vụ sản xuất.

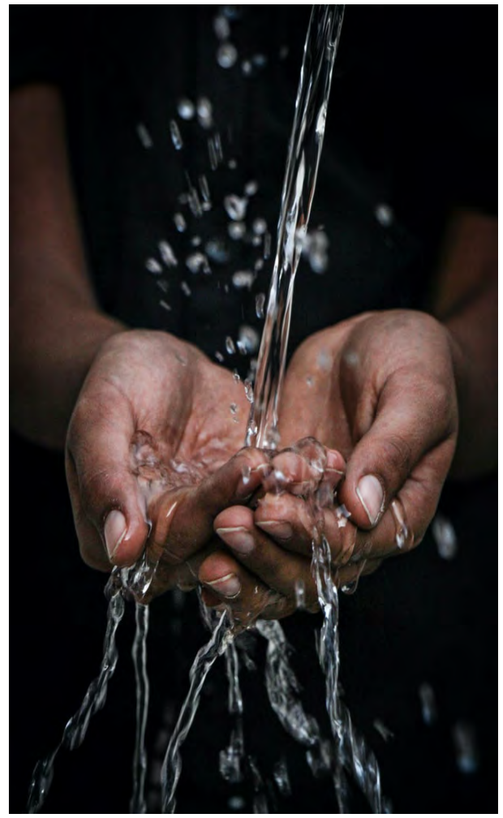

Chính sách liên quan tới người lao động

Trong năm 2020, lao động toàn Công ty vẫn ổn định ở mức 848 người (31/12/2020) và không có quá nhiều sự chênh lệch so với 845 người (31/12/2019). Tổng tăng 3 người, trong đó tăng mới 114 người và thực giảm 111 người.

Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2020 của người lao động là: 10.349.814 đồng/tháng (tăng 24,6% so với năm 2019). Thu nhập của người lao động tăng tuy nhiên với tỷ lệ nhỏ và vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện đúng, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.Các nguyên liệu sản xuất có thể được tái chế để sử dụng nhằm bảo vệ môi trường

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng động địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động.

Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoãn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.

05 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

PHƯƠNG HƯỚNG HĐ SXKD NĂM 2021

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Kinh tế – xã hội năm 2020 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới.

Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn. Thương mại toàn cầu, giá cả hàng hóa đang dần được phục hồi, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh trong tháng 11 và tháng 12 nhờ tín hiệu tích cực từ sản xuất và hiệu quả của vắc-xin phòng Covid-19. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân.

Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao vàng, ngoài thuận lợi là giá nguyên vật liệu tương đối ổn định và ở mức thấp hơn so với 2019 thì còn gặp rất nhiều khó khăn như:

Sự canh tranh khốc liệt các sản phẩm săm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam. Thị trường săm, lốp ô tô quá khó khăn do lốp nội tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengsinh, Maxxis không tăng giá dẫn đến tiêu thụ quá khó khăn.

Xu hướng chuyên đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.Lốp xe máy không săm dần thay thế lốp có săm. Công ty đã sản xuất lốp không săm tuy nhiên chùng loại còn chưa đa dạng, chất lượng có độ ổn định chưa cao. Rào cản kỹ thuật làm giảm sản lượng xuất khẩu do Công ty chưa được cấp chứng nhận chất lượng GSO để xuất khẩu sản phẩm sang các nước Trung đông.

Việc tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn, có sự chênh lệch lớn giữa lao động tuyển vào và lao động nghỉ việc dẫn đến thiếu hụt lao động tại tất cả các đơn vị trong toàn Cty

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH2020/ TH2019	TH/KH 2020
Sản lượng sản xuất						
Lốp xe đạp	Chiếc	3.154.266	3.456.865	3.827.928	121.36	110,7
Săm xe đạp		4.253.481	4.341.571	4.218.994	99.19	97,2
Lốp xe máy		1.049.655	1.189.395	931.356	88,73	84,8
Săm xe máy		6.407.936	7.090.212	5.901.852	92,1	83,2
Lốp ô tô		277.129	281.897	262.801	94,83	93,2
Săm ô tô		186.964	211.452	214.090	79,44	101,2
Yếm ô tô		83.332	88.842	66.195	79,44	74,9
Sản lượng tiêu thụ						
Lốp xe đạp	Chiếc	3.242.832	3.456.865	3.703568	114,2	107,1
Săm xe đạp		4.271.888	4.013.000	4.105.276	97,13	95,6
Lốp xe máy		1.086.680	1.089.395	1.006.788	92,65	91,7
Săm xe máy		6.768.151	7.090.212	5.574.806	82,37	78,6
Lốp ô tô		286.364	281.897	285.578	90,3	101,3
Săm ô tô		201.089	211.452	215.633	107,2	102,0
Yếm ô tô		87.250	88.842	84.365	96,69	95,4
Doanh thu	Tỷ đồng	929,14	922,00	1349,3	145,22	147,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51,71	21,00	96,5	186,56	459,52

Kết thúc năm 2020, Tổng doanh thu của Công ty là 1349,9 tỷ, đạt 147,3% so với kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đề ra.
Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 96,5 tỷ tăng 459,52 % so với kế hoạch năm 2020 do Công ty chủ động kiểm soát giảm chi phí bán hàng, chi phí tài chính và giá nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định và mức thấp hơn so với năm 2019.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
Sản lượng sản xuất	Chiếc	15.412.763	15.230.535
Sản lượng tiêu thụ	Chiếc	15.944.254	15.021.023
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	926,63	1349,27
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	41,37	73,515
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	1.474	2.620

Doanh thu thuần có sự tăng mạnh do có sự tăng do doanh thu thương mại tăng hơn 487 tỷ đồng.

CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu bán thành phẩm	947,38	872,18
Doanh thu bán hàng hóa	-	487,05
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,89	23,03
Doanh thu bán vật tư	2,05	1,24
Doanh thu khác	0,42	0,41
Tổng	961,74	1383,92

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

Công tác quản lý, điều hành sản xuất

CÁC MẶT ĐÃ LÀM ĐƯỢC

Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Công tác tiêu thụ sản phẩm tiếp tục gặp phải những khó khăn rất lớn, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quí và phấn đấu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, giảm áp lực nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu.

CÁC MẶT TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH

Việc quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu, phục vụ đạt hiệu quả chưa cao.

Việc sắp xếp, bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do sự thiếu hụt lao động, biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động đạt thấp (đặc biệt là ở Xí nghiệp sản xuất lốp ô tô). Bộ máy quản lý, gián tiếp, phục vụ đạt hiệu quả chưa cao.

Chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp (Độ mài mòn nhanh).

Công tác nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương:

Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng chính sách phân phối tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.

Trong năm 2020 tình hình lao động của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Tình trạng này xảy ra ở các đơn vị của Công ty ở cả Hà Nội và Chi nhánh Thái Bình dẫn đến việc thiếu lao động trong dây chuyền sản xuất, ảnh hưởng đến việc tổ chức sản xuất và sản lượng sản phẩm.

Để khắc phục tình trạng này, Công ty đã có nhiều biện pháp như: Tăng đơn giá tiền lương cho người lao động lên 5% so với năm 2019 Thực hiện chi hỗ trợ tiền thuê nhà áp dụng cho công nhân trực tiếp sản xuất ở Hà Nội phải đi thuê nhà ở, bố trí chỗ ở cho công nhân mới tại Hà Nội, chi tiền chuyên cần 500.000 đồng/người/tháng cho công nhân các đơn vị trực tiếp sản xuất nhằm động viên người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.

Công tác thị trường

Thị trường săm, lốp xe đạp xe đạp năm 2020 mặc dù do tình hình dịch Covid-19 làm giảm khả năng tiêu thụ tuy nhiên cũng đã có nhiều thuận lợi vì ngay từ đầu năm Công ty đã có những chính sach giá tốt để giành lại các khách hàng lắp ráp bị đối thủ giành mất do năm 2019 tình trạng thiếu hàng diễn ra. Đa số các khách hàng lắp ráp của công ty đã trực tiếp hợp tác để đưa ra mức giá tốt cộng thêm tình trạng thiếu sản phẩm cơ bản đã được cải thiện nên mặc dù tình hình thị trường khó khăn nhưng tình hình tiêu thụ săm, lốp xe đạp tương đối khả quan.

Thị trường săm, lốp ô tô gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 dẫn đến nhu cầu suy giảm nghiêm trọng, cộng thêm sự cạnh tranh khốc liệt của Chengsinh, Maxxis và đặc biệt hàng Trung Quốc giá rẻ ồ ạt nhập về Việt Nam khiếp cho thị trường lốp Bias ngày càng suy giảm.

Năm 2020 là năm chất lượng sản phẩm lốp ô tô SRC có nhiều vấn đề: Lòi tanh, phồng rộp, nứt chân hoa cả lốp dọc và lốp ngang diễn ra hầu hết các thị trường khiến cho tình hình tiêu thụ đã khó lại càng khó thêm.

Tiếp tục tăng cường đầu tư cho công tác thị trường, rà soát, tổ chức lại mạng lưới đại lý phân phối của Công ty. Tùy theo đặc điểm của từng vùng, từng khu vực để xây dựng hệ thống phân phối phù hợp.

Mặc dù hoàn thành vượt kế hoạch tiêu thụ năm 2020 của Công ty nhưng thực tế tình hình tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn do lợi thế cạnh tranh sản phẩm của công ty ngày càng kém so với các đối thủ, chất lượng sản phẩm không khác biệt so với các đối thủ trong khi đó giá lại cao hơn nên dẫn đến khó khăn trong bán hàng.

Năm 2020, doanh thu xuất khẩu đạt 7,19 triệu USD, giảm 6% so với kế hoạch và 4,9% so với năm 2019.

Lý giải cho việc giảm doanh số so với kế hoạch năm 2020 là do:

Do ảnh hưởng của dịch covid 19, việc lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn, một số container hàng hóa bị bị ách tắc tại cảng do lệnh phong tỏa tại các nước sở tại lên đến hàng tháng ảnh hưởng nghiêm trọng đến chi phí tài chính cũng như tiêu thụ hàng hóa của khách hàng.

Do việc Mỹ đánh thuế phá giá lên các sản phẩm lốp Việt Nam và Trung Quốc nên các nhà sx thi nhau giảm giá đẩy hàng, cạnh tranh rất khốc liệt nên ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ hàng hóa.

Nhu cầu XK mặt hàng lốp xe đạp ngày càng có cơ hội phát triển nhưng bị hạn chế bởi năng lực SX của nhà máy nên luôn trong tình trạng không đáp ứng được các đơn hàng và phải từ chối rất nhiều khách hàng và thị trường mới.

Chất lượng sản phẩm chưa ổn định ảnh hưởng đến uy tín của sản phẩm.

Vào thời điểm T11 và T12 do nhu cầu XK cuối năm tăng nên tình trạng vỏ công rất khan hiếm và chi phí cước vận tải biển bị tăng mạnh ảnh hưởng lớn đến chi phí bán hàng và kế hoạch xuất khẩu hàng hóa.

Công tác tài chính

Thực hiện và kiểm tra việc ghi chép số liệu kế toán đảm bảo tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty và các tổ chức, đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty trên các chứng từ, sổ sách kế toán vào các báo cáo tài chính.

Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý...đảm bảo nguồn vốn của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.

Chấp hành nghiêm chỉnh việc tính toán đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, chế độ của Nhà nước ban hành về các khoản thuế phải nộp ngân sách. Giải quyết đúng chính sách với người lao động.

Hướng dẫn và thực hiện công tác kiểm kê vật tư, tài sản, tiền vốn trong toàn Công ty. Chuẩn bị đầy đủ, kịp thời các thủ tục và tài liệu cần thiết báo cáo Hội đồng kiểm kê của Công ty để xử lý kết quả kiểm kê theo đúng quy định.

Lập báo cáo tài chính toàn Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của báo cáo tài chính, gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước theo quy định của chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Cùng với phòng ban nghiệp vụ trong toàn Công ty tham gia tiến hành việc đối chiếu và thu hồi công nợ, phát huy đầy đủ tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.

Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2020, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:

Sử dụng ĐPC 16S thay thế ĐPC 96S để sản xuất lốp Nông nghiệp cỡ lớn, tiết giảm chi phí.

Cải tạo đồng bộ kích thước khuôn, marking khuôn lốp ô tô. Sửa đổi thiết kế thi công đường kính vòng tanh lốp ô tô (sử dụng 2 vòng tanh có đường kính khác nhau) cho quy cách lốp từ 12.00-20 trở lên nhằm khắc phục hiện tượng lòi tanh.

Tiếp tục nghiên cứu nâng cao chất lượng lốp xe máy không săm và thiết kế các mẫu mã hoa văn mới: tập trung vào mục tiêu tăng khả năng chịu mòn. Tăng độ dầy vai lốp, áp dụng sản xuất các loại lốp không săm từ tháng 10.2020

Phối hợp với các đơn vị sản xuất trong công ty xử lý và khắc phục kịp thời các biến động trong sản xuất, giám sát quá trình sản xuất giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi ra thị trường.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Trong năm 2020, công tác đầu tư xây dựng thực hiện việc giao nhận thiết bị máy móc, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị máy móc thuộc các gói thầu đã ký hợp đồng năm 2020, tổng số 07 gói thầu. Kết quả thực hiện:

Chuẩn bị các thủ tục cho Công tác đầu tư xây dựng: Mở rộng dây chuyền sản xuất lốp xe đạp tăng công suất thêm 150.000 lốp/năm; dự án xây dựng nhà hành chính, nhà kho khu A chi nhánh Công ty CP Cao su Sao Vàng tại Thái Bình, Dây chuyền sản xuất lốp xe máy không săm tại XNLXH, dự án Xây dựng nhà kho tại XNLXH, Quy hoạch mặt bằng sản xuất tỷ lệ 1/500 tại XNLXH.

Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.

Công tác ATLĐ – VSCN – PCCN và công tác môi trường

Trong năm 2020, công tác ATLĐ – VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

Huấn luyện định kỳ cho 100% công nhân về ATVSLLĐ – VSCN – PCCN, sơ cấp cứu cho 100% công nhân với 714 người được huấn luyện.

Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.

Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

2. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021

Dự báo năm 2021 nền kinh tế tiếp tục có chiều hướng tích cực, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Kinh tế trong nước vẫn chịu nhiều tác động đến tốc độ tăng trưởng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục gặp những khó khăn, thách thức như sau:

Giá nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cao su thiên nhiên và các loại nguyên vật liệu khác tiếp tục xu hướng tăng và duy trì ở mức giá cao so với năm 2020. Chi phí sản xuất tăng trong khi giá bán chưa thể tăng lên tương ứng.

Dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát trên thế giới đặc biệt là Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến việc nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất, đây thực sự là một thách thức lớn nếu không có các phương án dự phòng sẵn sàng đối phó.

Tiêu thụ sản phẩm chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá của các nhà sản xuất trong nước Casumina, DRC và nước ngoài, lốp ô tô radial cỡ lớn và cả cỡ nhỏ nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan có giá rất rẻ, các hãng sản xuất trong nước liên tục giảm giá để cạnh tranh. Trên thị trường, sức cạnh tranh sản phẩm của Công ty còn yếu. Công ty chưa có sản phẩm lốp Radial và sản phẩm mới để thay thế được sự suy giảm sản lượng lốp xe tải nhẹ.

Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021

Từ những khó khăn và thuận lợi trên, Công ty đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	% so với thực hiện năm 2020
Giá trị sản xuất CN			
- Theo giá cố định 1994	Tỷ đồng	460	134,2
- Theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.258,6	144,65
Doanh thu tiêu thụ, trong đó:	Tỷ đồng	2.200	163,05
- Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	1.200	142,99
- Doanh thu thương mại	Tỷ đồng	1.000	196,04
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	104,17

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	% so với thực hiện năm 2020	
			Sản xuất	Tiêu thụ
Sản phẩm sản xuất/ tiêu thụ				
1- Lốp xe đạp	Chiếc	5.500.000	143,68	148,51
2- Săm xe đạp	Chiếc	5.700.000	135,10	137,34
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.400.000	150,32	139,06
4- Săm xe máy	Chiếc	7.500.000	127,08	134,53
5- Lốp ôtô	Chiếc	377.000	143,45	132,01
6- Săm ôtô	Chiếc	295.000	137,79	136,81
7- Yếm ôtô	Chiếc	199.000	179,77	141,05

MÔ TẢ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Công tác quản trị doanh nghiệp

Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.

Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.

Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tài chính

Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.

Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng.

- Phối hợp với phòng Vật tư và các đơn vị được giao mua vật tư trong Công ty theo dõi nắm bắt kịp thời xu hướng giá vật tư, tận dụng khả năng vốn để xem xét dự trữ các loại nguyên liệu chủ yếu một cách hợp lý nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Công tác bán hàng

Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đối với từng ngành hàng, từng khu vực thị trường nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu đã đề ra theo từng tháng, quý và cả năm.Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc. Tái cơ cấu hệ thống phân phối tại một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.

Kiện toàn, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc. Tập trung phát triển tiêu thụ lốp xe điện các loại vì đây là thị trường có thể tiêu thụ nếu có giá tốt và yêu cầu chất lượng không quá cao.

Tiếp tục mở đại lý tại các khu vực sau: Lào Cai, Tuyên Quang, Đồng Nai, Bình Dương, Nghệ An, Hải Phòng.Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới. Xem xét chương trình chiết khấu 0,5-1% cho top 05 khách hàng có doanh thu cao nhất năm 2020.Kết hợp với phòng tài chính xây dựng giá bán cạnh tranh cho từng thị trường.

Công tác lao động, tiền lương

Thường xuyên rà soát và hoàn thiện công tác định biên, định mức lao động, tiền lương. Từ đó xây dựng mới hoặc điều chỉnh cho phù hợp chi phí tiền lương đối với từng đơn vị, từng sản phẩm trong Công ty.

Tích cực tìm các giải pháp, các kênh tuyển dụng để tuyển dụng lao động bổ sung cho XNCS1, XNCS3, XNLCSXH, CNCSTB. Kết hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động

Công tác cơ điện, năng lượng

Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.

Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Đánh giá nhận diện khắc phục ngay các điểm gây lãng phí năng lượng (điện, hơi nóng, khí nén), đặt mục tiêu giảm chi phí tiêu hao năng lượng năm sau so với năm trước khoảng 2%.

Công tác khoa học kỹ thuật và đảm bảo chất lượng

Nghiên cứu cải thiện chất lượng lốp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lốp, cải thiện hiện tượng nứt rãnh hoa đối với lốp hoa dọc, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Ký hợp đồng thực hiện các gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, tổ chức lắp đặt thiết bị kịp thời phục vụ sản xuất khi các thiết bị về đến Công ty gồm: 01 máy luyện kín 270 lít, 01 máy ép suất Ø150, 02 máy lưu hóa yếm 160 tấn, mua 01 máy ép suất Ø250, động cơ và tủ điện xoay chiều biến tần, 01 hệ thống nạp dầu tự động.

Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng nhà kho nguyên liệu tại XNLXH, lựa chọn nhà thầu xây lắp thực hiện gói thầu xây dựng nhà kho nguyên liệu tại XNLXH.

Nghiên cứu và triển khai các bước chuẩn bị Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.

Công tác khác

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào lao động sáng tạo, tập hợp ý tưởng, cải tiến hợp lý hóa, áp dụng khoa học tiên tiến hiện đại vào sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí nhằm hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và động viên CBCNV tích cực lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ năm 2021.

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Khen thưởng động viên kịp thời các bộ phận, cá nhân có thành tích cao trong lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 phiên bản 2015, xây dựng môi trường lao động sản xuất thực sự xanh - sạch - đẹp, văn minh hiện đại.

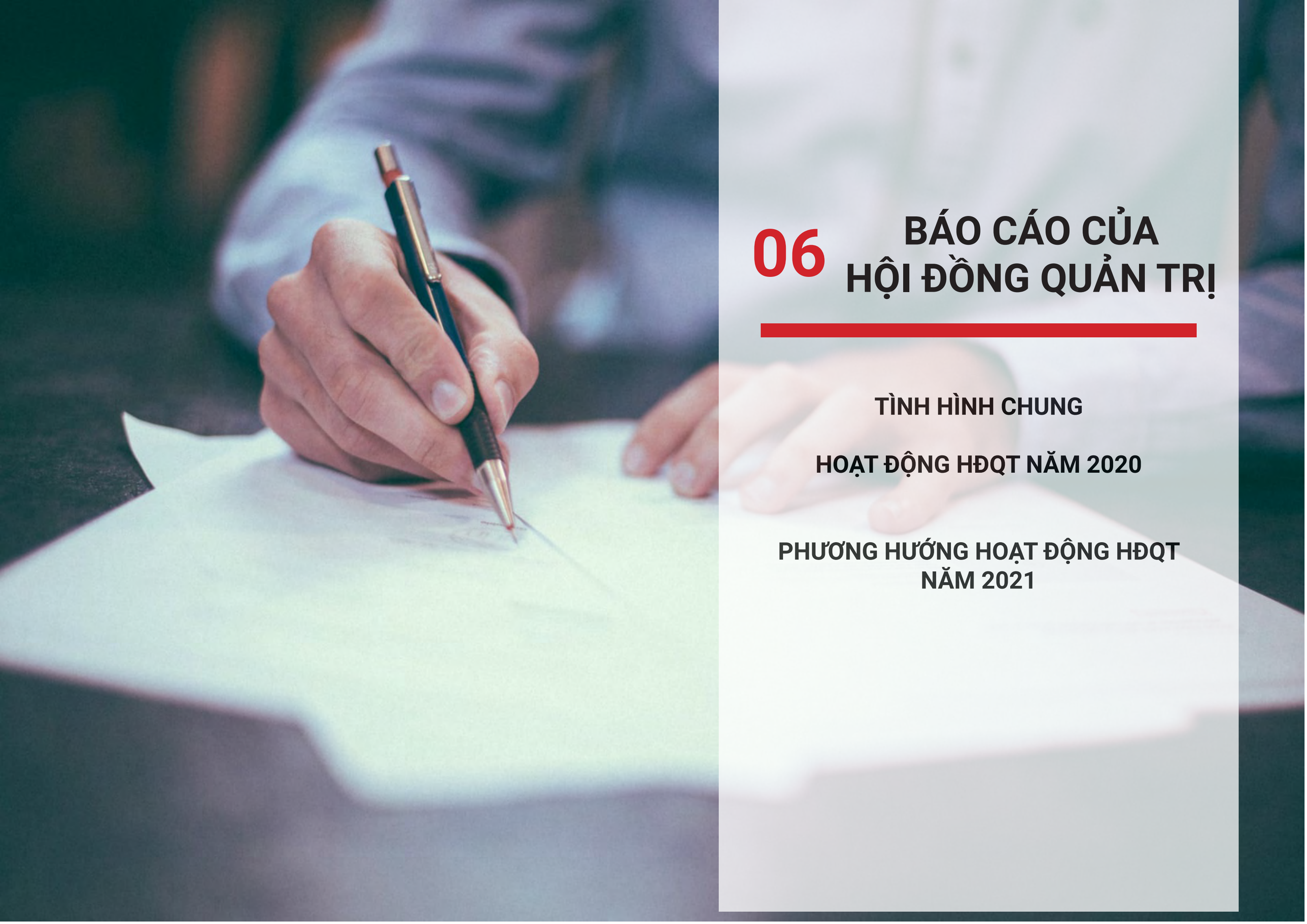

06 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH CHUNG

HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2020

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2021

1. Tình hình chung

Năm 2020 Kinh tế nước ta đối mặt với nhiều diễn biến bất lợi, đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Kinh tế Việt Nam trong đó có Công ty Cao su Sao Vàng đã phải chịu ảnh hưởng lớn. Ngoài ra, sự cạnh tranh của thị trường ngày càng khốc liệt dẫn đến khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao vàng, cũng có yếu tố thuận lợi là giá nguyên vật liệu tương đối ổn định và ở mức thấp hơn so với 2019. Trong bối cảnh này, Hội đồng quản trị đã quán triệt công tác chỉ đạo để bảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó. Với nhận thức trên HĐQT đã chủ động bám sát việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từng tháng, quý và cùng với nỗ lực của Ban điều hành, tập thể CBCNV toàn Công ty, năm 2020 Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã có kết quả sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện	So sánh (%)
Giá trị sản xuất CN theo giá thực tế	Tỷ đồng	914	870,1	95,14
Doanh thu	Tỷ đồng	916	1349,3	147,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21	96,5	459,52

Nhận xét:

Chỉ tiêu sản xuất công nghiệp theo giá thực tế năm 2020 đạt 95,14% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụt giảm của chỉ tiêu này do sự thiếu hụt lao động, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của toàn Công ty.

Bên cạnh đó, nhờ nỗ lực điều hành và bám sát thị trường của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty, kịp thời có những chính sách giá bán phù hợp với từng giai đoạn của thị trường mà Công ty hoàn thành kế hoạch đề ra với các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể, doanh thu năm 2020 đạt 1349,3 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch 47,3%.

Lợi nhuận trước thuế đạt 96,5 tỷ đạt 459,52 % so với kế hoạch, nguyên nhân có thể kể đến do Công ty kiểm soát chặt chẽ việc tiết giảm chi phí bán hàng, chi phí tài chính và định mức sản phẩm, đặc biệt do giá nguyên vật liệu đầu vào giảm.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2020

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các nghị quyết, quyết định. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức họp 10 phiên và nhiều lần lấy ý kiến thành viên HĐQT. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác... Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời thủ trưởng các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.

Ngoài ra HĐQT và các thành viên đã tích cực tham gia cùng với Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty triển khai thực hiện nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt là công tác sản xuất tại Chi nhánh Thái Bình và Xí nghiệp luyện Xuân Hòa.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	08/NQ-HĐQT	15/01/2020	Phiên họp HĐQT lần thứ 01: - Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I và các giải pháp triển khai thực hiện - Thông qua các nội dung về công tác nhân sự: Bổ nhiệm lại P.TGĐ đối với ông Hào và bổ nhiệm lại các CB chủ chốt Công ty; bổ nhiệm chức danh P. TGĐ đối với ông Tùng	100
2	10/QĐ-HĐQT	15/01/2020	- Bổ nhiệm chức vụ P.TGĐ kiên KTT Công ty đối với ông Nguyễn Thanh Tùng	100
3	11/QĐ-HĐQT	15/01/2020	- Bổ nhiệm lại chức vụ P.TGĐ Công ty đối với ông Nguyễn Quang Hào	100
4	16/QĐ-HĐQT	04/02/2020	- Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhệm lại...	100
5	20/NQ-HĐQT	18/02/2020	- Sáp nhập phòng XDCB, phòng MTAT vào phòng KTCN; sáp nhập XNCSKT vào XNCS 3, sáp nhập XNCĐNL vào XNCS1	100
6	22/QĐ-HĐQT	21/02/2020	- Sáp nhập P.MTAT và P. XDCB vào P. KTCN	100
7	23/QĐ-HĐQT	21/02/2020	- Sáp nhập XN CSKT vào XNCS3	100
8	24/QĐ-HĐQT	21/02/2020	- Sáp nhập XN CĐNL vào XNCS1	100
9	36/NQ-HĐQT	28/02/2020	- Thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020	100
10	61/QĐ-HĐQT	15/03/2020	- Thành Lập tổ thẩm định dự án ĐT XDCB năm 2020	100
11	63/QĐ-HĐQT	18/03/2020	- Phê duyệt KHĐTXDCB năm 2020	100
12	64/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT máy luyện 270 lít	100
13	65/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT máy nạp dầu tự động	100
14	66/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT 2 máy LH yếm 16 tấn	100
15	67/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT máy ép suất 250	100
16	68/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT máy ép suất 150	100
17	69/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT động cơ máy luyện 270 lít	100
18	70/QĐ-HĐQT	28/03/2020	- Phê duyệt BCKTKT cụm tăng dính mặt lốp	100
19	48/NQ-HĐQT	31/03/2020	- Thông qua các văn bản trình ĐHĐCĐ năm 2020	100
20	71/QĐ-HĐQT	15/04/2020	- Phê duyệt KHLCNT máy luyện 270 lít	100
21	72/QĐ-HĐQT	15/04/2020	- Phê duyệt KHLCNT 5 hạng mục đầu tư	100
22	73/NQ-HĐQT	16/04/2020	- Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020	100
23	81/NQ-HĐQT	23/04/2020	- Thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020	100
24	98/NQ-HĐQT	18/05/2020	- Thông qua các văn bản trình ĐHĐCĐ năm 2020	100
25	108/NQ-HĐQT	09/06/2020	- Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập và trả cổ tức năm 2019	100
26	114/NQ-HĐQT	15/06/2020	- Ngừng triển khai 2 BCNCKT dự án di dời và SX lốp Radial; mua máy luyện kín 270 lít, - Uỷ quyền cho chủ tịch HĐQT, người Đ D theo pháp luật được quyền sử dụng vốn quyết định các dự án đầu tư có giá trị đến 10% tổng giá trị TS Công ty tại thời điểm báo cáo tài chính gần nhất.	100
27	115/QĐ-HĐQT	27/06/2020	- Phê duyệt dự toán mua 1 máyép suất phi 150	100
28	116/QĐ-HĐQT	29/06/2020	- Phê duyệt HSYC mua 1 máyép suất phi 150	100
29	118/QĐ-HĐQT	29/06/2020	- Phê duyệt dự toán mua 2 máy LH yếm 160 tấn	100
30	119/QĐ-HĐQT	29/06/2020	- Phê duyệt HSYC cạnh tranh mua 2 máy LH yếm 160 tấn	100
31	121/QĐ-HĐQT	30/06/2020	- Về việc làm và đảm bảo sức khoẻ người lao động	100
32	132/QĐ-HĐQT	24/07/2020	- Thành lập Bên mời thầu	100
33	133/QĐ-HĐQT	10/08/2020	- Phê duyệt HSYC mua 1 máyép suất phi 250	100
34	134/QĐ-HĐQT	10/08/2020	- Phê duyệt HSYC mua 1 động cơ và tủ xoay chiều biến tần	100
35	139/NQ-HĐQT	28/08/2020	- Thống nhất chủ trương xây dựng nhà kho tại XNL Xuân Hoà; nhà Hành chính, nhà kho tại CN Thái Bình - Thống nhất lắp đặt hệ thống Pin mặt trời áp mái tại XH và TB - Đồng ý cho huỷ số sản phẩm cao su kỹ thuật tồn kho lâu ngày đã hư hỏng	100
36	140/QĐ-HĐQT	31/08/2020	- Quyết định ông Đoàn Văn Thông thôi giữ chức Phó phòng TCHC để giữ chức Phó phòng KTCN	100
37	141/QĐ-HĐQT	31/08/2020	- Quyết định ông Vũ Minh Sơn thôi giữ chức Phó phòng KTCN để giữ chức Phó phòng TCHC	100
38	142/QĐ-HĐQT	04/09/2020	- Thành lập Bên mời thầu Dự án đầu tư XDCB năm 2020	100
39	143/QĐ-HĐQT	04/09/2020	- Thành lập Tổ thẩm định Dự án đầu tư XDCB năm 2020	100
40	152/NQ-HĐQT	21/10/2020	- Thống nhất chuyển nhượng QSD đất và cơ sở hạ tầng tại lô E, đường D5 KCN Châu Sơn DT 212.438 m^2 cho nhà đầu tư khác	60
41	156/QĐ-HĐQT	26/10/2020	- Phê chuẩn mua máy trộn cao su XM-270 bằng phương thức thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUTS chi nhánh Hà Nội. Số tiền thuê tối đa 9.385.433.200 VNĐ	100
42	163/NQ-HĐQT	29/12/2020	- Giao Kế hoạch SXKD năm 2021	60

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT	Ngày không còn là TV. HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch HĐQT	16/12/2019		10/10	100%
2	Lâm Thái Dương	TV HĐQT	30/12/2015	08/06/2020	10/10	100%
3	Nguyễn Việt Hùng	TV HĐQT-TGĐ	28/4/2018		3/3	100%
4	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT-KTT	08/06/2020		7/7	100%
5	Nguyễn Văn Hùng	TV HĐQT	27/4/2019		10/10	100%
6	Nguyễn Văn Thành	TV HĐQT	27/4/2019		10/10	100%

Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, thư ký Công ty có tham gia khóa đào tạo "Quản trị Công ty" do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức ngày 12-13/11/2020.

3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2021. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021
1	Giá trị sản xuất CN - Theo giá cố định 1994 - Theo giá thực tế	Tỷ đồng Tỷ đồng	460 1.258,6
2	Doanh thu tiêu thụ Trong đó: Doanh thu SXCN Doanh thu thương mại	Tỷ đồng Tỷ đồng Tỷ đồng	2.200 1.200 1.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100
4	Mức cổ tức (không nhỏ hơn)	%	5

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung giám sát hoạt đông của Ban điều hành, các bộ quản lý các mặt hoạt động của Công ty
Đề xuất với Ban điều hành các giải pháp quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng.
Hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý với đại lý, nhà phân phối.
Kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2020.
Sử dụng lao động có hiệu quả, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động trong tình trạng thiếu người.
Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ người có trình độ cao, tay nghề giỏi, từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
Quyết tâm phát triển sản phẩm mới, chất lượng cao đặc biệt là lốp ô tô công trường quy cách lớn, lốp xe máy không săm, săm xe máy butyl đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

4. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành năm 2020

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý, giảm lao động khối gián tiếp. Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phấn đấu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể. Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu. Thực hiện chào thầu cạnh tranh khi mua các thiết bị, vật tư và vận chuyển sản phẩm vv… đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, qui chế mua sắm vật tư đã ban hành. Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban điều hành vẫn có những tồn tại sau:

Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự chỉ đạo của Ban điều hành và các phòng ban chức năng công ty có lúc chưa nhanh và chưa quyết liệt. Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động đạt thấp. Công tác kỹ thuật chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp ô tô. Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu thị trường

07 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

KẾT QUẢ KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Trong năm 2020, BKS đã họp định kỳ để triển khai các công việc. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020;
Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn theo đúng các quy định của pháp luật;
Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;
Giám sát việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.
Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng thực hiện một cách tốt nhất công việc mình được phân công

Thành viên Ban Kiểm Soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Trần Minh Tuấn	Trưởng BKS	26/04/2016		Cử nhân kinh tế
2	Vũ Thị Mai Nhung	Tv BKS	27/04/2019		Cử nhân kinh tế
3	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Tv BKS	27/04/2019		Cử nhân kinh tế

Cuộc họp của Ban Kiểm Soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lý do không tham dự
1	Trần Minh Tuấn	4	100	100	
2	Vũ Thị Mai Nhung	4	100	100	
3	Nguyễn Thị Hồng Phượng	4	100	100	

2. Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2020

Kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm 2020

Tổ chức công tác kế toán:

Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước

Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hiện hành của Nhà nước;

Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Định kỳ, Công ty thực hiện kiểm kê tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN.

Báo cáo tài chính năm 2020:

BCTC năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận trực tiếp với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, BKS nhận thấy: Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.BKS nhất trí với các số liệu cũng như báo cáo của kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo tài chính năm 2020, số liệu chi tiết do đại diện của Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.

Đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác

Công ty thực hiện góp vốn liên doanh, liên kết thành lập Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn để triển khai thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoành Sơn”. Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng Hoành Sơn tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 là 500 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 26% vốn điều lệ tương đương 130 tỷ đồng. Theo biên bản họp HĐQT số 96/BB-HĐQT ngày 19/6/2018 Công ty đang xây dựng kế hoạch, lộ trình thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư. Tại thời điểm ngày 31/12/2020 Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên số tiền là: 590.647.758 đồng.

Về việc thoái vốn tại Công ty CP Philip Carbon Black Việt Nam theo Nghị quyết số 61/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016: Công ty đang tích cực thực hiện các công việc liên quan để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này. Tính tới thời điểm ngày 31/12/2020 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 3.076.762.381 đồng.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2020 chủ yếu là thực hiện các hạng mục đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị lẻ, thực hiện theo Nghị quyết và quyết định của Hội đồi quản trị, đảm bảo theo đúng các quy định của Pháp luật, việc xác định nhu cầu đầu tư thay đổi thường xuyên cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với Dự án di dời và sản xuất lốp Radial:

Công ty đã ký hợp đồng số 17/HĐTĐ-HVPID với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam về việc thuê lại quyền sử dụng đất gắn với cơ sở hạ tầng, theo đó Công ty đã thuê đất khu Công nghiệp Châu sơn, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam với thời hạn thuê là 40 năm, đã được BQL các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhân đầu tư dự án "Nhà máy Cao su Sao Vàng tại Hà Nam", hoàn thành việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Di dời và sản xuất lốp Radial", đến thời điểm hiện tại dự án không còn phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của Công ty theo nghị quyết số 114/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty đã dừng triển khai Dự án này. Theo nghị quyết số 152/NQ-HĐQT ngày 21/10/2020, HĐQT thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư có nhu cầu trên cơ sở thẩm định giá, bảo toàn vốn đầu tư.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020:

Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch đề ra.Phân phối lợi nhuận năm 2019 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền 8% với số tiền: 22.450.694.400 đồng, đã được chi trả cho các cổ đông theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020.Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2020 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành

BKS không nhận được các đơn thư kiến nghị hay đề xuất của cổ đông về việc đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty. Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc điều hành công ty một cách thống nhất, tập trung, đúng theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ.

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2020: Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Ban điều hành, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Ban điều hành

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, BKS luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách Pháp luật quy định

Ý kiến của các cổ đông:

BKS không nhận được ý kiến, đơn thư nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2020.

3. Nhận xét và kiến nghị

Trong năm 2020, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Trong quá trình làm việc Ban kiểm soát chưa phát hiện có sai phạm nào của Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty và của Cổ đông.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

Tiếp tục rà soát sửa đổi hoàn thiện các quy chế, quy định để phù hợp với hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành;

Nghiên cứu cải tiến công nghệ hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Có giải pháp tích cực, nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu khó đòi để đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác theo dõi và quản lý công nợ phải thu khách hàng.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng, xây dựng chế độ đãi ngộ với người lao động tốt hơn nữa để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty. Nâng cao năng lực hệ thống quản lý đáp ứng nhu cầu thực tế.

4. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021

Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành;Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề;Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.Thực hiện công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ công ty, theo yêu cầu của HĐQT và Ban Điều hành.

Giao dịch và thù lao

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đ/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
Chủ tịch HĐQT	01	5.000.000	12	60.000.000
Thành viên HĐQT	04	4.000.000	12	192.000.000
Thành viên BKS	02	2.500.000	12	60.000.000
Cộng				312.000.000

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đ/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền (đồng)
Tổ trưởng	01	3.000.000	12	36.000.000
Thành viên	01	2.500.000	Tính từ thời điểm Công ty thực hiện Dự án	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Cty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	Liên quan với CT HĐQT	0	0	6.886.150	24,54	mua

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Cty CP Tập đoàn Hoành Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT HĐQT	ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/10/2018 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Cả năm	Nghị quyết số: 08/NQ-HĐQT ngày 15/1/2020	Bán hàng: 19,5 tỷ VNĐ; Vận chuyển: 73 triệu VNĐ	
2	Cty CP Tập đoàn Hoành Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT HĐQT	ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/10/2018 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Cả năm	Nghị quyết số: 08/NQ-HĐQT ngày 15/1/2020	Vay vốn: 81,5 tỷ VNĐ	

Hoạt động quan hệ với nhà đầu tư:

Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về Quản trị công ty. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật.

Công ty cũng không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của công ty.

Tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị của Công ty:

Năm 2020, một số luật, nghị định, thông tư mới được ban hành có hiệu lực, ảnh hưởng tới công tác quản trị của doanh nghiệp. Công ty đã chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để tiến hành sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị theo các quy định mới. Tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên tham gia những chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị.

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
Số 231 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2020)
Ông Lâm Thái Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
Số 231 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2021

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0629 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 20 tháng 02 năm 2020 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0723-2018-001-1

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4370-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 3 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**1.049.753.919.446**	**420.596.305.195**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**71.274.868.487**	**104.339.775.297**
1.	Tiền	111		56.274.868.487	40.839.775.297
2.	Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	63.500.000.000
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**786.660.076.964**	**105.639.521.806**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	596.879.076.108	100.554.764.805
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	15.383.641.991	5.110.629.067
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	78.730.000.000	-
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	9	104.076.636.650	4.365.367.106
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(8.409.277.785)	(4.391.239.172)
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**191.351.365.538**	**209.687.101.164**
1.	Hàng tồn kho	141		193.644.347.177	211.599.861.295
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.292.981.639)	(1.912.760.131)
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**467.608.457**	**929.906.928**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	466.396.382	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.212.075	929.906.928
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**355.589.299.668**	**386.209.650.340**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**710.054.000**	-
1.	Phải thu dài hạn khác	216	9	710.054.000	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**62.218.647.714**	**80.992.557.644**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	56.111.626.139	70.740.018.469
	- Nguyên giá	*222*		*662.727.513.642*	*654.420.692.152*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(606.615.887.503)*	*(583.680.673.683)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	2.491.298.553	6.636.816.153
	- Nguyên giá	*225*		*8.536.019.968*	*14.655.034.023*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(6.044.721.415)*	*(8.018.217.870)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	14	3.615.723.022	3.615.723.022
	- Nguyên giá	*228*		*3.615.723.022*	*3.615.723.022*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		-	**7.222.116.834**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	7.222.116.834
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**15**	**134.776.652.219**	**134.274.329.688**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		130.000.000.000	130.000.000.000
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.444.062.358	8.444.062.358
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.667.410.139)	(4.169.732.670)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**157.883.945.735**	**163.720.646.174**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	157.883.945.735	163.720.646.174
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**1.405.343.219.114**	**806.805.955.535**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**977.141.622.159**	**425.467.533.224**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**694.148.555.516**	**141.564.430.484**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	223.186.946.846	50.727.483.489
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	11.219.298.127	4.207.842.308
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.585.651.752	5.402.024.879
4.	Phải trả người lao động	314		22.831.160.680	19.556.827.726
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.624.734.870	309.894.577
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	20	282.698.841.117	1.905.577.127
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	143.274.209.572	57.552.450.183
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	745.638.019	-
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		982.074.533	1.902.330.195
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**282.993.066.643**	**283.903.102.740**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	20	143.500.000.000	143.500.000.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	132.493.066.643	134.403.102.740
3.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	7.000.000.000	6.000.000.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**428.201.596.955**	**381.338.422.311**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**25**	**428.201.596.955**	**381.338.422.311**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.657.650.000	280.657.650.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*280.657.650.000*	*280.657.650.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
3.	Cổ phiếu quỹ	415		(23.970.000)	(23.970.000)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		65.623.931.879	53.303.023.866
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.943.981.471	47.401.714.840
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*8.428.143.089*	*6.332.021.464*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*73.515.838.382*	*41.069.693.376*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**1.405.343.219.114**	**806.805.955.535**

Lê Lan Phương	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Hùng
Người lập biểu	Kế toán trưởng/ Phó Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**28**	**1.383.920.672.941**	**961.738.598.043**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	34.647.384.197	35.103.714.822
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**1.349.273.288.744**	**926.634.883.221**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.132.446.528.382	760.844.062.614
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**216.826.760.362**	**165.790.820.607**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	6.949.359.862	2.079.149.064
7.	Chi phí tài chính	22	32	7.607.330.171	10.444.718.998
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.487.037.028*	*6.169.783.926*
8.	Chi phí bán hàng	25	33	33.923.610.566	36.809.133.039
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	91.365.768.838	69.044.056.564
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**90.879.410.649**	**51.572.061.070**
11.	Thu nhập khác	31	34	6.127.396.623	235.754.109
12.	Chi phí khác	32		536.881.096	97.261.271
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**5.590.515.527**	**138.492.838**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**96.469.926.176**	**51.710.553.908**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	22.954.087.794	10.342.110.782
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**73.515.838.382**	**41.368.443.126**
17.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.620	1.324

Lê Lan Phương	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Hùng
Người lập biểu	Kế toán trưởng/ Phó Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
		Ngày 04 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***96.469.926.176***	***51.710.553.908***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	20.961.717.365	24.833.657.656
	Các khoản dự phòng	03	4.641.575.609	1.796.210.296
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(994.205.669)	11.094.426
	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.669.502.034	(1.736.789.945)
	Chi phí lãi vay	06	5.487.037.028	6.169.783.926
	Các khoản điều chỉnh khác	07	1.000.000.000	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***129.235.552.543***	***82.784.510.267***
	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(603.201.423.853)	13.803.160.267
	Giảm hàng tồn kho	10	17.955.514.118	66.726.513.610
	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	469.996.259.812	(11.277.236.002)
	Giảm chi phí trả trước	12	5.370.304.057	11.030.785.818
	Tiền lãi vay đã trả	14	(5.390.837.028)	(6.266.283.926)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.098.568.605)	(3.871.853.770)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	150.000.000
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.922.225.000)	(4.952.237.451)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(16.055.423.956)***	***148.127.358.813***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.719.851.335)	(8.299.674.385)
2.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(78.730.000.000)	
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.066.023.257	1.601.694.052
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(78.383.828.078)***	***(6.697.980.333)***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	285.972.820.649	230.955.758.993
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(200.740.346.183)	(295.668.161.946)
3.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.420.751.174)	(8.666.436.251)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.383.100.270)	(86.908.440)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***61.428.623.022***	***(73.465.747.644)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(33.010.629.012)**	**67.963.630.836**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**104.339.775.297**	**36.380.391.078**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(54.277.798)	(4.246.617)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**71.274.868.487**	**104.339.775.297**

Lê Lan Phương	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Hùng
Người lập biểu	Kế toán trưởng/ Phó Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
		Ngày 04 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 4 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 848 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 845 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cao su
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh của năm nay, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước (Số đã báo cáo)	Số phân loại lại	Năm trước (Phân loại lại)	Nội dung
		VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	929.146.850.471	32.591.747.572	961.738.598.043	Phân loại lại giá trị hàng bán trả lại từ các đại lý do không tiêu thụ được, chiết khấu thương mại và doanh thu bán phế liệu
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.929.584.434	32.174.130.388	35.103.714.822	Phân loại lại giá trị hàng bán trả lại từ các đại lý do không tiêu thụ được, chiết khấu thương mại
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	764.612.645.850	(3.768.583.236)	760.844.062.614	Phân loại lại giá trị hàng xuất kho bảo hành sản phẩm do lỗi hỏng
Chi phí bán hàng	25	33.040.549.803	3.768.583.236	36.809.133.039	
Thu nhập khác	31	653.371.293	(417.617.184)	235.754.109	Phân loại doanh thu bán phế liệu sang doanh thu khác

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Do ảnh hưởng trên diện rộng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, nhiều thách thức đã phát sinh cho tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động, những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty. Do đó, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc cũng tin tưởng rằng COVID-19 không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

Trong 6 tháng cuối năm 2020, Công ty đã thực hiện hoạt động thương mại thông qua việc mua bán các sản phẩm thép và tấm pin năng lượng mặt trời.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	4 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có

quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	5 - 6

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất của các lô đất tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng với mục đích sử dụng làm trụ sở văn phòng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam; giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam là khoản trả trước tiền thuê 212.538 m^2 đất tại Lô E, Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam theo Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Chi phí thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán để đảm bảo khi các khoản chi phải trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh ở các kỳ tiếp theo. Việc ghi nhận chi phí phải trả phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.082.390.130	1.040.997.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.192.478.357	39.798.777.387
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	63.500.000.000
	71.274.868.487	**104.339.775.297**

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất từ 3%/năm (năm 2019 là 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	402.985.052.168	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	56.096.296.680	-
Công ty TNHH Sao Mai Anh	25.050.209.898	20.552.332.774
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	25.122.340.375	6.121.284.852
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	12.907.720.169	15.311.094.500
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyết	6.610.519.912	6.206.315.887
Công ty TNHH MTV Công Danh Tuyến	4.817.779.707	3.270.470.679
Các khách hàng khác	63.289.157.199	49.093.266.113
	596.879.076.108	**100.554.764.805**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	26.209.349.638	7.499.397.276

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	VND			VND		
	Số dư phải thu	Giá gốc khoản nợ xấu	Giá trị nợ xấu có thể thu hồi	Số dư phải thu	Giá gốc khoản nợ xấu	Giá trị nợ xấu có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - chi nhánh Hưng Yên	15.311.094.500	3.816.715.026	2.607.437.003	12.907.720.169	3.841.224.427	2.559.678.716
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black	2.966.978.675	-	-	2.966.978.675	-	-
Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	2.208.428.046	802.631.529	2.208.428.046	2.208.428.046	210.154.673
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái - CONECO - Thái Bình	686.000.000	686.000.000	-	686.000.000	-	-
Nguyễn Văn Lợi	455.374.028	455.374.028	227.687.014	450.374.028	450.374.028	135.112.208
Chi nhánh Sông Đà 802 - Công ty Cổ phần Sông Đà	295.710.052	295.710.052	-	295.710.052	-	-
Công ty TNHH Phú Cường	282.014.700	282.014.700	84.604.410	282.014.700	-	-
Đối tượng khác	736.910.203	622.345.329	252.988.053	827.493.117	827.493.117	243.999.663
	22.942.510.204	**8.366.587.181**	**3.975.348.009**	**20.624.718.787**	**11.558.223.045**	**3.148.945.260**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

6. NỢ XẤU

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phong Châu	15.000.000.000	-
BST Elastomers Co., Ltd.	-	2.776.972.275
CYN Chem Corporation	-	1.587.231.360
Nhà cung cấp khác	383.641.991	746.425.432
	15.383.641.991	**5.110.629.067**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phản ánh các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng vay vốn ký giữa Công ty (Bên Cho vay) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn (Bên Vay) - bên liên quan của Công ty với tổng số tiền 78.730.000.000 VND, thời hạn cho vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được gia hạn khoản vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo các phụ lục hợp đồng bổ sung. Mục đích của khoản vay để Bên Vay chuẩn bị thực hiện các bước đầu tư tại khu đất số 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội với lãi suất cho vay từ 6%/năm đến 8,1%/năm, gốc và lãi vay được trả 1 lần khi hết thời hạn vay vốn.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (i)	2.966.978.675	2.966.978.675
Phải thu người lao động	482.915.539	501.758.128
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	3.595.046.742	157.715.071
Tạm ứng	2.489.901.000	100.000.000
Ký cược, ký quỹ (ii)	94.256.060.250	14.821.595
Phải thu khác	285.734.444	624.093.637
	104.076.636.650	**4.365.367.106**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	710.054.000	-
	710.054.000	**-**

(i) Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam phản ánh số tiền Công ty tạm ứng vốn cho Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Tuy nhiên, do hoạt động của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam không mang lại hiệu quả, kế hoạch tăng vốn điều lệ đã không được thực hiện. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục giải thể doanh nghiệp và trả lại tiền vốn góp cho các cổ đông.

(ii) Phải thu khác về khoản ký cược, ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này. Khoản cầm cố, ký quỹ nhằm mục đích phát hành các thư tín dụng để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu pin mặt trời.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	843.638.283		-	-
Nguyên liệu, vật liệu	94.329.588.755		91.856.365.849	-
Công cụ, dụng cụ	4.485.873.382		4.498.535.475	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.270.291.666		8.673.598.332	-
Thành phẩm	84.495.672.485	(2.262.933.902)	106.567.119.914	(1.912.760.131)
Hàng hoá	26.964.215	-	4.241.725	-
Hàng gửi bán	192.318.391	(30.047.737)	-	-
	193.644.347.177	**(2.292.981.639)**	**211.599.861.295**	**(1.912.760.131)**

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.292.981.639 VND (năm 2019: 1.912.760.131 VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	466.396.382	-
	466.396.382	**-**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (i)	154.075.716.570	158.410.776.570
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.717.041.665	4.872.154.420
Chi phí trả trước dài hạn khác	91.187.500	437.715.184
	157.883.945.735	**163.720.646.174**

(i) Công ty ký kết Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m^2 đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích thuê để thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại Khu công nghiệp Châu Sơn – tỉnh Hà Nam. Theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 6 năm 2020, Công ty đã dừng việc triển khai thực hiện Dự án này. Theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 10 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư có nhu cầu trên cơ sở thẩm định giá, bảo toàn vốn đầu tư.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	112.636.883.385	499.043.139.004	1.015.211.796	41.725.457.967	654.420.692.152
Mua sắm mới	-	1.889.127.701	-	-	1.889.127.701
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	6.126.014.055	-	-	6.126.014.055
Tăng khác	-	291.679.734	-	-	291.679.734
Số dư cuối năm	**112.636.883.385**	**507.349.960.494**	**1.015.211.796**	**41.725.457.967**	**662.727.513.642**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	90.410.423.795	456.372.945.222	1.015.211.796	35.882.092.870	583.680.673.683
Khấu hao trong năm	2.531.750.546	14.946.598.554	-	1.608.033.892	19.086.382.992
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	3.739.450.928	-	-	3.739.450.928
Tăng khác	-	109.379.900	-	-	109.379.900
Số dư cuối năm	**92.942.174.341**	**475.168.374.604**	**1.015.211.796**	**37.490.126.762**	**606.615.887.503**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**22.226.459.590**	**42.670.193.782**	**-**	**5.843.365.097**	**70.740.018.469**
Tại ngày cuối năm	**19.694.709.044**	**32.181.585.890**	**-**	**4.235.331.205**	**56.111.626.139**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 493.157.223.485 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 460.619.237.244 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.514.264.014 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 25.631.195.568 VND) để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đống Đa và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Nội.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**14.655.034.023**
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(6.119.014.055)
Số dư cuối năm	**8.536.019.968**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	**8.018.217.870**
Khấu hao trong năm	1.765.954.473
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.739.450.928)
Số dư cuối năm	**6.044.721.415**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**6.636.816.153**
Tại ngày cuối năm	**2.491.298.553**

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**3.615.723.022**
Số dư cuối năm	**3.615.723.022**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**3.615.723.022**
Tại ngày cuối năm	**3.615.723.022**

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp lô đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.042.161.718 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đống Đa.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**130.000.000.000**	**(590.647.758)**	**130.000.000.000**	-
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn (i)	130.000.000.000	(590.647.758)	130.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**8.444.062.358**	**(3.076.762.381)**	**8.444.062.358**	**(4.169.732.670)**
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam (ii)	8.444.062.358	(3.076.762.381)	8.444.062.358	(4.169.732.670)
	138.444.062.358	**(3.667.410.139)**	**138.444.062.358**	**(4.169.732.670)**

(i) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hà Nội là 26%. Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn - bên liên quan của Công ty. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia góp vốn sẽ thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoành Sơn" tại số 231 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn là 500 tỷ VND, trong đó Công ty góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ VND. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(ii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất than cốc tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là 7%.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Trina Solar	152.851.625.044	152.851.625.044	-	-
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	10.422.885.000	10.422.885.000	2.264.385.000	2.264.385.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	10.206.451.800	10.206.451.800	9.097.682.600	9.097.682.600
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	9.598.861.078	9.598.861.078	7.078.904.599	7.078.904.599
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	4.809.000.000	4.809.000.000	5.276.250.000	5.276.250.000
Công ty TNHH kim loại màu Trường Thành	2.332.000.000	2.332.000.000	1.897.500.000	1.897.500.000
Công ty TNHH Hyousung Việt Nam	1.445.782.139	1.445.782.139	2.116.483.336	2.116.483.336
Các đối tượng khác	31.520.341.785	31.520.341.785	22.996.277.954	22.996.277.954
	223.186.946.846	**223.186.946.846**	**50.727.483.489**	**50.727.483.489**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	-		51.422.688	

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	5.849.326.784	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Moe Myint	743.626.589	375.949.417
Orsa Group S.R.O	519.420.978	9.680.978
Abu Bader Trading Company	166.068.824	820.363.534
Irshad Tahir Co., Ltd - Afghannistan	-	251.203.904
Người mua trả tiền trước khác	3.940.854.952	2.750.644.475
	11.219.298.127	**4.207.842.308**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	201.270.088	75.117.544.443	70.819.792.427	4.499.022.104
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	233.140.506	233.140.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.181.233.042	22.954.087.794	25.098.568.605	3.036.752.231
Thuế thu nhập cá nhân	19.521.749	1.068.835.737	1.038.480.069	49.877.417
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	16.970.012.892	16.970.012.892	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế khác	-	793.292.430	793.292.430	-
	5.402.024.879	**117.141.913.802**	**114.958.286.929**	**7.585.651.752**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	173.200.000	77.000.000
Chi phí vận chuyển	99.266.333	-
Chi phí phụ cấp độc hại và cơm công nghiệp	233.318.934	232.894.577
Các khoản trích trước khác	1.118.949.603	-
	1.624.734.870	**309.894.577**

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản trích theo lương	232.247.914	453.497.403
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu (i)	271.260.764.544	-
Phải trả tiền ủy thác nhập khẩu	8.532.212.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.451.642.960	217.067.200
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	862.977.978	795.383.848
Các khoản phải trả, phải nộp khác	358.995.721	439.628.676
	282.698.841.117	**1.905.577.127**
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn (ii)	143.500.000.000	143.500.000.000
	143.500.000.000	**143.500.000.000**
Phải trả dài hạn khác bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	143.500.000.000	143.500.000.000

(i) Phải trả liên quan tới các hợp đồng mua thép, pin năng lượng mặt trời theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Theo các hợp đồng này, Công ty được ngân hàng thanh toán ngay và thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn từ 4 đến 12 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 7%/năm. Lãi được tính và thanh toán hàng tháng.

(ii) Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn – bên liên quan của Công ty và Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty thực hiện các công việc tháo dỡ, di dời nhà máy hiện tại và đầu tư vào khu đất nhà máy mới với số tiền cam kết góp là 435 tỷ VND chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 4 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 tới năm 2018. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn đã chuyển 2 đợt cho Công ty với tổng số tiền là 143.500.000.000 VND.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	51.925.281.946	51.925.281.946	285.879.290.270	197.517.970.599	140.286.601.617	140.286.601.617
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (i)	*37.032.207.106*	*37.032.207.106*	*82.073.209.968*	*79.380.427.640*	*39.724.989.434*	*39.724.989.434*
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (ii)	*11.064.585.000*	*11.064.585.000*	*18.649.680.636*	*26.179.209.636*	*3.535.056.000*	*3.535.056.000*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iii)	*3.828.489.840*	*3.828.489.840*	*185.156.399.666*	*91.958.333.323*	*97.026.556.183*	*97.026.556.183*
Vay cá nhân (iv)	2.518.902.981	2.518.902.981	90.000.579	1.258.105.392	1.350.798.168	1.350.798.168
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	1.964.270.180	1.964.270.180	1.481.456.892	1.964.270.192	1.481.456.880	1.481.456.880
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	*1.964.270.180*	*1.964.270.180*	*1.481.456.892*	*1.964.270.192*	*1.481.456.880*	*1.481.456.880*
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	1.143.995.076	1.143.995.076	432.109.005	1.420.751.174	155.352.907	155.352.907
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*1.143.995.076*	*1.143.995.076*	*432.109.005*	*1.420.751.174*	*155.352.907*	*155.352.907*
	57.552.450.183	**57.552.450.183**	**287.882.856.746**	**202.161.097.357**	**143.274.209.572**	**143.274.209.572**

(i) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 23/2019/HĐCVHM/NHCT126-CSSV ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Đống Đa ngày 05 tháng 9 năm 2019 có tổng giá trị khoản vay tối đa 100.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06

tháng. Khoản vay ngắn hạn này cùng với khoản vay dài hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 22 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.109.627.053 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 22.991.870.738 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 12, và giá trị quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.042.161.718 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 14.

(ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 09/2019/HĐCVHM/NHCT260-SRC ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Phúc Yên ngày ngày 10 tháng 10 năm 2019 có tổng giá trị khoản vay tối đa 50.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh săm, lốp và các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.713.399.725 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 12.

(iii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/135074/HĐTD ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Nội ngày ngày 30 tháng 9 năm 2019 có tổng giá trị khoản vay tối đa 80.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Lãi suất và thời hạn cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 404.636.961 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 925.925.105 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 12.

(iv) Phản ánh khoản tiền vay các cá nhân là nhân viên của Công ty với thời gian vay dưới 12 tháng và lãi suất vay là 5%/năm.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng dài hạn	**5.791.367.211**	**5.791.367.211**	**-**	**1.964.270.192**	**3.827.097.019**	**3.827.097.019**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (i)	5.791.367.211	5.791.367.211	-	1.964.270.192	3.827.097.019	3.827.097.019
Nợ tài chính dài hạn	**1.720.000.785**	**1.720.000.785**	**-**	**1.417.221.374**	**302.779.411**	**302.779.411**
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	1.720.000.785	1.720.000.785	-	1.417.221.374	302.779.411	302.779.411
Vay dài hạn khác	**130.000.000.000**	**130.000.000.000**	**-**	**-**	**130.000.000.000**	**130.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn (iii)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	137.511.367.996	**137.511.367.996**	**-**	**3.381.491.566**	**134.129.876.430**	**134.129.876.430**
Trong đó:						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	**3.108.265.256**				**1.636.809.787**	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn	1.964.270.180				1.481.456.880	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh	*1.964.270.180*				*1.481.456.880*	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.143.995.076				155.352.907	
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*1.143.995.076*				*155.352.907*	
Số phải trả sau 12 tháng	**134.403.102.740**				**132.493.066.643**	
Vay dài hạn	133.827.097.031				132.345.640.139	
Nợ dài hạn	576.005.709				147.426.504	

(i) Phản ánh khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐVCDADT/NHCT126-SRC ngày 01 tháng 8 năm 2018 có tổng giá trị khoản vay tối đa 40.544.000.000 VND, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích khoản vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ của Dự án "Đầu tư máy móc, thiết bị lẻ năm 2017-2018". Thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo văn bản thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay dài hạn này cùng với khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 21 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.109.627.053 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 22.991.870.738 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 12, và giá trị quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.042.161.718 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 14.

(ii) Phản ánh số dư các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các hợp đồng cho thuê tài chính là 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho thuê tài chính được quy định trong từng hợp đồng thuê.

(iii) Phản ánh khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn để góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn. Thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.481.456.880	1.964.270.180
Trong năm thứ hai	1.481.456.880	1.481.456.880
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	130.864.183.259	132.345.640.151
	133.827.097.019	**135.791.367.211**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.481.456.880)	(1.964.270.180)
Số phải trả sau 12 tháng	**132.345.640.139**	**133.827.097.031**

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	155.352.907	1.143.995.076
Trong năm thứ hai	49.921.092	417.137.717
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	97.505.412	158.867.992
	302.779.411	**1.720.000.785**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(155.352.907)	(1.143.995.076)
Số phải trả sau 12 tháng	**147.426.504**	**576.005.709**

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Phản ánh dự phòng trích lập để bảo hành sản phẩm cho các lô hàng Công ty đã bán đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Dự phòng bảo hành sản phẩm là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về khoản nợ phải trả áp dụng đối với các sản phẩm từ cao su trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Tăng trong năm	7.000.000.000	-
- *Trích quỹ (i)*	*7.000.000.000*	-
Giảm trong năm	(6.000.000.000)	-
- *Giảm khác (ii)*	*(6.000.000.000)*	-
Số dư cuối năm	**7.000.000.000**	**6.000.000.000**

(i) Theo Quyết định số 167/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty tiến hành trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của Công ty cho năm 2021 từ nguồn lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 7.000.000.000 VND.

(ii) Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện hoàn nhập Quỹ Khoa học mà Công ty trích lập từ năm 2015 nhưng chưa sử dụng.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Số dư đầu năm trước	280.657.650.000	3.605	49.692.625.661	(23.970.000)	11.132.539.669	341.458.848.935
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	41.368.443.126	41.368.443.126
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.610.398.205	-	(3.610.398.205)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.190.120.000)	(1.190.120.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(202.000.000)	(202.000.000)
Điều chỉnh phạt vi phạm hành chính	-	-	-	-	(96.749.750)	(96.749.750)
Số dư cuối năm trước	**280.657.650.000**	**3.605**	**53.303.023.866**	**(23.970.000)**	**47.401.714.840**	**381.338.422.311**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Số dư đầu năm nay	280.657.650.000	3.605	53.303.023.866	(23.970.000)	47.401.714.840	381.338.422.311
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	73.515.838.382	73.515.838.382
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	12.320.908.013	-	(12.320.908.013)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(4.106.969.338)	(4.106.969.338)
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành (i)	-	-	-	-	(95.000.000)	(95.000.000)
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(22.450.694.400)	(22.450.694.400)
Số dư cuối năm nay	**280.657.650.000**	**3.605**	**65.623.931.879**	**(23.970.000)**	**81.943.981.471**	**428.201.596.955**

(i) Nghị quyết số 106/NQ- ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 08 tháng 6 năm 2020 phê chuẩn kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền (8% vốn điều lệ): 22.450.694.400 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế năm 2019): 4.106.969.338 VND
- Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành: 95.000.000 VND
- Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế năm 2019): 12.320.908.013 VND

Đến ngày báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức theo Nghị quyết số 106/NQ- ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông nói trên cho các cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 280.657.650.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	36,0%	101.041.150.000	36,0%	101.041.150.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	24,5%	68.861.500.000	0,0%	-
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	4,9%	13.854.300.000	8,4%	23.638.400.000
Các cổ đông khác	34,5%	96.876.730.000	55,6%	155.954.130.000
Cổ phiếu quỹ	0,0%	23.970.000	0,0%	23.970.000
	100%	**280.657.650.000**	**100%**	**280.657.650.000**

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
+ Cổ phiếu phổ thông	*28.065.765*	*28.065.765*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	2.397	2.397
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
+ Cổ phiếu phổ thông	*28.063.368*	*28.063.368*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm, dịch vụ như sau:

- Bộ phận sản xuất
- Bộ phận thương mại
- Bộ phận khác

Các thông tin về bộ phận kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày cuối năm:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	320.051.589.637	474.081.348.848	1.071.867.367	795.204.805.852
Tài sản không phân bổ				610.138.413.262
Tổng cộng tài sản				**1.405.343.219.114**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	70.059.279.583	164.346.965.388		234.406.244.971
Nợ phải trả không phân bổ				742.735.377.188
Tổng cộng nợ phải trả				**977.141.622.159**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	839.189.828.338	487.050.090.870	*23.033.369.536*	1.349.273.288.744
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	657.496.988.265	464.992.325.987	*9.957.214.130*	1.132.446.528.382
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận				**216.826.760.362**
Chi phí hoạt động chung				125.289.379.404
Doanh thu hoạt động tài chính				6.949.359.862
Chi phí tài chính				7.607.330.171
Doanh thu khác				6.127.396.623
Chi phí khác				536.881.096
Lợi nhuận trước thuế				**96.469.926.176**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				22.954.087.794
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				**73.515.838.382**

Bảng cân đối kế toán tại ngày đầu năm:

	Sản xuất	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	310.531.555.587	429.700.277	310.961.255.864
Tài sản không phân bổ			495.844.699.671
Tổng cộng tài sản			**806.805.955.535**
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	54.935.325.797		54.935.325.797
Nợ phải trả không phân bổ			370.532.207.427
Tổng cộng nợ phải trả			**425.467.533.224**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước:

	Sản xuất	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	912.692.601.910	*13.942.281.311*	926.634.883.221
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	757.360.362.555	*3.483.700.059*	760.844.062.614
Chi phí hoạt động bộ phận			-
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận			**165.790.820.607**
Chi phí hoạt động chung			105.853.189.603
Doanh thu hoạt động tài chính			2.079.149.064
Chi phí tài chính			10.444.718.998
Doanh thu khác			235.754.109
Chi phí khác			97.261.271
Lợi nhuận trước thuế			**51.710.553.908**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.342.110.782
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			**41.368.443.126**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Chỉ tiêu	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng
	VND	VND	VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***166.436.987.717***	***1.182.836.301.027***	***1.349.273.288.744***
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			1.132.446.528.382
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			***216.826.760.362***
Doanh thu hoạt động tài chính			6.949.359.862
Chi phí tài chính			7.607.330.171
Chi phí bán hàng			33.923.610.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp			91.365.768.838
Lợi nhuận khác			5.590.515.527
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			***96.469.926.176***
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			22.954.087.794
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***73.515.838.382***
2. Tài sản bộ phận			**1.405.343.219.114**
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			**1.719.851.335**

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chỉ tiêu	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng
	VND	VND	VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***172.237.523.281***	***754.397.359.940***	***926.634.883.221***
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			760.844.062.614
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			***165.790.820.607***
Doanh thu hoạt động tài chính			2.079.149.064
Chi phí tài chính			10.444.718.998
Chi phí bán hàng			36.809.133.039
Chi phí quản lý doanh nghiệp			69.044.056.564
Lợi nhuận khác			138.492.838
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			***51.710.553.908***
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.342.110.782
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***41.368.443.126***
2. Tài sản bộ phận			**806.805.955.535**
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			**12.496.173.140**

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	18.482.848.828	18.457.622.921
Trên 1 năm đến 5 năm	73.931.395.312	73.149.765.253
Trên 5 năm	524.944.445.986	542.406.789.833
	617.358.690.126	**634.014.178.007**

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
USD	1.179.129,25	435.283,45

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước:

	Sản xuất	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	912.692.601.910	*13.942.281.311*	926.634.883.221
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	757.360.362.555	*3.483.700.059*	760.844.062.614
Chi phí hoạt động bộ phận			-
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận			**165.790.820.607**
Chi phí hoạt động chung			105.853.189.603
Doanh thu hoạt động tài chính			2.079.149.064
Chi phí tài chính			10.444.718.998
Doanh thu khác			235.754.109
Chi phí khác			97.261.271
Lợi nhuận trước thuế			**51.710.553.908**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.342.110.782
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			**41.368.443.126**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Chỉ tiêu	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng
	VND	VND	VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***166.436.987.717***	***1.182.836.301.027***	***1.349.273.288.744***
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			1.132.446.528.382
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			***216.826.760.362***
Doanh thu hoạt động tài chính			6.949.359.862
Chi phí tài chính			7.607.330.171
Chi phí bán hàng			33.923.610.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp			91.365.768.838
Lợi nhuận khác			5.590.515.527
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			***96.469.926.176***
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			22.954.087.794
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***73.515.838.382***
2. Tài sản bộ phận			**1.405.343.219.114**
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			**1.719.851.335**

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Chỉ tiêu	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng
	VND	VND	VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***172.237.523.281***	***754.397.359.940***	***926.634.883.221***
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			760.844.062.614
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			***165.790.820.607***
Doanh thu hoạt động tài chính			2.079.149.064
Chi phí tài chính			10.444.718.998
Chi phí bán hàng			36.809.133.039
Chi phí quản lý doanh nghiệp			69.044.056.564
Lợi nhuận khác			138.492.838
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			***51.710.553.908***
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.342.110.782
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			***41.368.443.126***
2. Tài sản bộ phận			**806.805.955.535**
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			**12.496.173.140**

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	18.482.848.828	18.457.622.921
Trên 1 năm đến 5 năm	73.931.395.312	73.149.765.253
Trên 5 năm	524.944.445.986	542.406.789.833
	617.358.690.126	**634.014.178.007**

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
USD	1.179.129,25	435.283,45

28. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	872.183.845.583	947.378.699.548
Doanh thu bán hàng hóa	487.050.090.870	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.033.369.536	11.892.850.711
Doanh thu bán vật tư	1.242.460.920	2.049.430.600
Doanh thu khác	410.906.032	417.617.184
Tổng cộng	**1.383.920.672.941**	**961.738.598.043**
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	19.375.536.086	10.996.862.317
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	34.166.217.485	35.103.714.822
b. Giảm giá hàng bán	481.166.712	-
	34.647.384.197	**35.103.714.822**
Doanh thu thuần	**1.349.273.288.744**	**926.634.883.221**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	659.160.974.743	757.360.362.555
Giá vốn hàng hóa đã bán	464.992.325.987	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.760.286.795	-
Giá vốn của vật tư đã bán	903.945.696	1.570.939.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	628.995.161	1.912.760.131
	1.132.446.528.382	**760.844.062.614**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	460.543.642.943	570.432.254.179
Chi phí nhân công	123.601.608.903	114.643.778.982
Chí phí khấu hao tài sản cố định	20.961.717.365	24.833.657.656
Trích lập dự phòng	5.143.898.140	601.349.130
Chí phí dịch vụ mua ngoài	39.570.993.006	37.150.919.845
Chi phí khác bằng tiền	121.662.008.228	85.920.659.171
	771.483.868.585	**833.582.618.963**

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.503.354.928	1.736.789.945
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.446.004.934	342.359.119
	6.949.359.862	**2.079.149.064**

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.487.037.028	6.169.783.926
Chiết khấu thanh toán	2.498.862.000	3.007.497.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	123.753.674	72.576.906
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(502.322.531)	1.194.861.166
	7.607.330.171	**10.444.718.998**

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	26.750.316.145	28.732.296.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.568.732.638	2.049.954.056
Thuế, phí, lệ phí	21.549.380.665	17.327.266.415
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	4.018.038.613	(1.311.411.001)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.569.852.433	12.681.229.847
Chi phí bằng tiền khác	13.909.448.344	9.564.720.397
	91.365.768.838	**69.044.056.564**
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	4.805.964.633	4.659.896.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.428.285	228.475.369
Chi phí bảo hành sản phẩm	4.567.420.249	3.768.583.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.281.344.490	20.336.593.091
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	1.409.236.731	3.223.566.289
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.713.216.178	4.592.018.476
	33.923.610.566	**36.809.133.039**

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Hoàn nhập quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ	6.000.000.000	-
Thuế nhập khẩu được giảm	-	58.788.329
Thu nhập khác	127.396.623	176.965.780
	6.127.396.623	**235.754.109**

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	22.117.569.794	10.342.110.782
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	836.518.000	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**22.954.087.794**	**10.342.110.782**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**96.469.926.176**	**51.710.553.908**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng các khoản chi phí không được trừ:	13.517.922.794	-
- CLTG đánh giá lại cuối năm của các khoản tiền, nợ phải thu	*285.027.236*	-
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	*176.000.000*	-
- Chi phí không được khấu trừ	*13.056.895.558*	-
		-
Thu nhập chịu thuế	**109.987.848.970**	**51.710.553.908**
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ	6.000.000.000	-
Thuế suất thông thường	*20%*	*20%*
Thuế suất cho thu nhập từ hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	*22%*	*22%*
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	836.518.000	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**22.954.087.794**	**10.342.110.782**

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**73.515.838.382**	**41.368.443.126**
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.106.969.338)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành	-	(95.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**73.515.838.382**	**37.166.473.788**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.620**	**1.324**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết số 106/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**41.368.443.126**	**41.368.443.126**
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.106.969.338)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành	-	(95.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**41.368.443.126**	**37.166.473.788**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.474**	**1.324**

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho kỳ tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Quang Hào	Thành viên Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	**19.375.536.086**	**10.996.862.317**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	17.769.525.646	6.121.284.852
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	524.911.224	1.288.179.200
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	412.894.000	112.763.200
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	360.000.000	297.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	170.979.216	1.704.965.273
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	137.226.000	1.161.050.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	-	311.619.792
Mua hàng hóa và dịch vụ	**106.695.027**	**66.272.688**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	66.195.027	51.422.688
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	40.500.000	14.850.000
Cho vay	**78.730.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	78.730.000.000	-
Chia cổ tức trong năm	**9.879.810.400**	**-**
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	8.083.292.000	-
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	1.796.518.400	-
Cổ tức đã trả trong năm	**9.879.810.400**	**-**
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	8.083.292.000	-
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	1.796.518.400	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**26.209.349.638**	**7.499.397.276**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	25.122.340.375	6.121.284.852
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	582.302.346	604.251.600
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	311.619.792	311.619.792
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	193.087.125	160.401.032
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hóa chất Lâm	-	184.140.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	-	117.700.000
Phải thu về cho vay	**78.730.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	78.730.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	**2.800.433.042**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	2.800.433.042	-
Phải trả người bán ngắn hạn	**-**	**51.422.688**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	51.422.688
Vay ngắn hạn	**1.061.343.350**	**1.006.940.516**
Ông Nguyễn Quang Hào	1.061.343.350	1.006.940.516
Phải trả dài hạn khác	**143.500.000.000**	**143.500.000.000**
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	143.500.000.000	143.500.000.000
Vay dài hạn	**130.000.000.000**	**130.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	130.000.000.000	130.000.000.000

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	**1.679.672.071**	**1.231.221.529**
Lâm Thái Dương	41.000.000	105.000.000
(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2020)		
Phạm Hoành Sơn	508.700.000	2.000.000
Nguyễn Việt Hùng	561.016.000	473.888.000
Nguyễn Thanh Tùng	472.956.071	426.941.000
Ngô Tuấn Anh	-	114.392.529
(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019)		
Nguyễn Công Tuấn	-	45.000.000
(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019)		
Nguyễn Văn Thành	48.000.000	32.000.000
(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019)		
Nguyễn Văn Hùng	48.000.000	32.000.000
(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019)		
Ban Tổng Giám đốc	**437.232.000**	**460.341.000**
Mai Chiến Thắng	-	104.100.000
(Nghỉ hưu ngày 01 tháng 3 năm 2019)		
Nguyễn Quang Hào	437.232.000	356.241.000
Tổng cộng	**2.116.904.071**	**1.691.562.529**

M.S.D.N: 0100100625 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
Q. THANH XUÂN - T. HÀ NỘI

Lê Lan Phương	**Nguyễn Thanh Tùng**	**Nguyễn Việt Hùng**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng/**	**Tổng Giám đốc**
	Phó Tổng Giám đốc	
		Ngày 04 tháng 3 năm 2021